BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2012/TT-BLĐTBXH	*Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2012*

THÔNG TƯ

Ban hành Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho một số nghề thuộc các nhóm nghề: Sản xuất và chế biến - Công nghệ kỹ thuật - Khoa học và sự sống - Kinh doanh và quản lý - Nông, lâm nghiệp và thủy sản - Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân

Căn cứ Luật Dạy nghề, ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 86/2008/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Dạy nghề thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 53/2011/QĐ-TTg, ngày 27 tháng 9 năm 2011 về việc Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quyết định số 86/2008/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Dạy nghề thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 06 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề.

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định chương trình khung trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề cho một số nghề thuộc các nhóm nghề: Sản suất và chế biến - Công nghệ kỹ

thuật - Khoa học và sự sống - Kinh doanh và quản lý - Nông, lâm nghiệp và thủy sản - Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân như sau:

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề các nghề: Chế biến lương thực; Thiết kế thời trang; Điều khiển tàu cuốc; Kỹ thuật lắp đặt đài trạm viễn thông; Sản xuất gốm, sứ xây dựng; Vận hành máy thi công mặt đường; Vận hành máy thi công nền; Công nghệ sinh học; Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas; Trồng cây lương thực, thực phẩm; Quản trị lễ tân (trình độ cao đẳng nghề) - Nghiệp vụ lễ tân (trình độ trung cấp nghề); để áp dụng đối với trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp (sau đây gọi chung là cơ sở dạy nghề) công lập và tư thục có đăng ký hoạt động dạy nghề các nghề trên nhưng không bắt buộc áp dụng đối với cơ sở dạy nghề có vốn đầu tư nước ngoài.

1. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Chế biến lương thực" (Phụ lục 1).

2. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Thiết kế thời trang" (Phụ lục 2).

3. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Điều khiển tàu cuốc" (Phụ lục 3).

4. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Kỹ thuật lắp đặt đài trạm viễn thông" (Phụ lục 4).

5. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Sản xuất gốm, sứ xây dựng" (Phụ lục 5).

6. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Vận hành máy thi công mặt đường" (Phụ lục 6).

7. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Vận hành máy thi công nền" (Phụ lục 7).

8. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề " Công nghệ sinh học" (Phụ lục 8).

9. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Quản trị kinh doanh xăng dầu và gas" (Phụ lục 9).

10. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề "Trồng cây lương thực, thực phẩm" (Phụ lục 10).

11. Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Quản trị lễ tân" trình độ cao đẳng nghề, "Nghiệp vụ lễ tân" trình độ trung cấp nghề (Phụ lục 11).

Điều 2. Căn cứ quy định tại Thông tư này, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề cho các nghề được quy định tại Điều 1 của Thông tư này tổ chức xây dựng, thẩm định, duyệt chương trình dạy nghề của trường.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổ chức Chính trị - Xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường đại học, trường cao đẳng và trường trung cấp chuyên nghiệp có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp nghề và trình độ cao đẳng nghề cho các nghề được quy định tại Thông tư này và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Điều 4. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 9 năm 2012./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Phi

Phụ lục 1

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ "CHẾ BIẾN LƯƠNG THỰC"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 1A

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Chế biến lương thực

Mã nghề: 40540101

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo);

Số lượng mô đun, môn học đào tạo: 31

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Trình bày được nguyên lý cấu tạo và hoạt động của một số loại thiết bị chính thường được sử dụng trong chế biến lương thực;

+ Mô tả được các thao tác, cách hiệu chỉnh, vận hành các thông số kỹ thuật, chế độ vệ sinh và bảo dưỡng các thiết bị chế biến lương thực;

+ Trình bày được một số nguyên lý cơ bản của quá trình chế biến lương thực;

+ Nêu được các bước và yêu cầu của từng bước thực hiện các công việc trong quy trình chế biến đối với một sản phẩm lương thực cụ thể như: gạo, bột mì, nui, snack, bún, bánh tráng, mì ăn liền;...

+ Trình bày được nội dung công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng các sản phẩm chế biến từ lương thực;

+ Trình bày được các nội dung tổ chức quản lý sản xuất ở cơ sở sản xuất, chế biến lương thực;

+ Trình bày được nguyên tắc và các phương pháp kiểm tra, đánh giá chất lượng một số chỉ tiêu nguyên liệu, bán thành phẩm, thành phẩm trong dây chuyền chế biến lương thực;

+ Trình bày được các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm trong quá trình thực hiện các thao tác.

- Kỹ năng:

+ Vận hành và sử dụng thành thạo các loại máy, thiết bị được sử dụng trong quá trình chế biến lương thực;

+ Thực hiện các thao tác vận hành, kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng máy, thiết bị chế biến theo đúng trình tự quy định, đảm bảo an toàn;

+ Làm thành thạo các thao tác cơ bản đối với từng công đoạn trong quá trình chế biến các sản phẩm chế biến từ lương thực: gạo, bột mì, nui, snack, bánh mì, bánh canh, miến, bún, mì ăn liền, mì sợi;...

+ Chế biến được sản phẩm lương thực theo quy trình công nghệ, đạt các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm yêu cầu, đảm bảo các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm và năng suất lao động;

+ Giải quyết được công việc một cách độc lập, đồng thời phối hợp được với đồng nghiệp trong phân xưởng, ca sản xuất và tổ sản xuất khi thực hiện nhiệm vụ chuyên môn;

+ Hướng dẫn, kiểm tra và giám sát được về chuyên môn đối với công nhân trình độ sơ cấp nghề trong quá trình sản xuất, đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn về chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Hiểu biết cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng và kinh tế của Đảng; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;

+ Có phẩm chất chính trị tốt, tuyệt đối trung thành với tổ quốc, với nhân dân, có đạo đức tốt, có ý thức vươn lên trong trong nghề nghiệp;

+ Khiêm tốn, cần cù, giản dị, có ý thức kỷ luật tốt, có tinh thần làm chủ tập thể, yêu nghề, hăng say học tập, rèn luyện để trở thành người thợ bậc cao, tay nghề giỏi;

+ Có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có hiểu biết về phương pháp rèn luyện thể chất và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Rèn luyện thân thể bảo đảm sức khỏe học tập và công tác khi ra trường, phù hợp với lao động nghề nghiệp;

+ Có kiến thức và kỹ năng về quân sự phổ thông để thực hiện nghĩa vụ quốc phòng toàn dân.

3. Cơ hội việc làm

- Sau khi tốt nghiệp người lao động có trình độ trung cấp nghề chế biến lương thực trực tiếp tham gia sản xuất trên các dây chuyền chế biến lương thực tại các nhà máy, cơ sở sản xuất trong nước hoặc xuất khẩu lao động sang các nước khác;

- Tham gia vào việc tổ chức và quản lý doanh nghiệp sản xuất chế biến lương thực với quy mô vừa và nhỏ.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 1,5 năm

- Thời gian học tập: 68 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 1980 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 200 giờ

(Trong đó thi tốt nghiệp: 90 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 1770 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1230 giờ; Thời gian học tự chọn: 540 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 620 giờ; Thời gian học thực hành: 1150 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**1230**	**406**	**745**	**79**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**285**	**196**	**74**	**15**
MH 07	Hóa học và hóa sinh học thực phẩm	60	42	15	3
MH 08	Vi sinh vật học thực phẩm	60	42	15	3
MH 09	Vệ sinh an toàn thực phẩm	60	42	15	3
MH 10	Các quá trình công nghệ cơ bản trong chế biến thực phẩm	60	42	15	3
MH 11	An toàn lao động	45	28	14	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**945**	**210**	**671**	**64**
MH 12	Máy và thiết bị chế biến lương thực	90	56	28	6
MĐ 13	Kiểm tra, vệ sinh máy và thiết bị chế biến lương thực	60	14	40	6
MH 14	Bảo quản lương thực	60	42	15	3
MĐ 15	Sản xuất gạo	75	14	55	6
MĐ 16	Sản xuất bột mì	75	14	55	6
MĐ 17	Sản xuất mì ăn liền	60	14	40	6
MĐ 18	Sản xuất mì sợi	60	14	40	6
MĐ 19	Sản xuất tinh bột	60	14	40	6

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 20	Sản xuất nui	60	14	40	6
MĐ 21	Bao bì và đóng gói sản phẩm lương thực	45	14	28	3
MĐ 22	Thực tập nghề nghiệp	300	0	290	10
Tổng cộng		**1440**	**512**	**832**	**96**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được xây dựng trên cơ sở sơ đồ phân tích nghề, bảng phân tích công việc và danh mục các công việc theo cấp trình độ đào tạo. Trong chương trình khung trình độ Trung cấp nghề Chế biến lương thực đề xuất một số môn học và mô đun tự chọn được giới thiệu ở bảng dưới đây:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 23	Sản xuất bánh phở	60	14	40	6
MĐ 24	Sản xuất bánh mì	60	14	40	6
MĐ 25	Sản xuất bánh canh	60	14	40	6
MĐ 26	Sản xuất miến	60	14	40	6
MĐ 27	Sản xuất bánh quy và bánh bông lan	60	14	40	6
MĐ 28	Sản xuất snack	60	14	40	6

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 29	Sản xuất bánh tráng	60	14	40	6
MĐ 30	Sản xuất bún	60	14	40	6
MĐ 31	Sản xuất bột ngũ cốc	60	14	40	6
MH 32	Phụ gia thực phẩm	60	42	15	3
MH 33	Dinh dưỡng	60	42	15	3
MH 34	Kỹ năng làm việc nhóm	60	42	15	3
MH 35	Quản lý an toàn thực phẩm	60	42	15	3

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Trung cấp nghề Chế biến lương thực đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình

khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ: Sau khi học các môn học chung, chọn các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc; có thể lựa chọn 8 mô đun và 1 môn học trong số 13 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MĐ 24	Sản xuất bánh mì	60	14	40	6
MĐ 25	Sản xuất bánh canh	60	14	40	6
MĐ 26	Sản xuất miến	60	14	40	6
MĐ 27	Sản xuất bánh quy và bánh bông lan	60	14	40	6
MĐ 28	Sản xuất snack	60	14	40	6
MĐ 29	Sản xuất bánh tráng	60	14	40	6
MĐ 30	Sản xuất bún	60	14	40	6
MĐ 31	Sản xuất bột ngũ cốc	60	14	40	6
MH 35	Quản lý an toàn thực phẩm	60	42	15	3
	Tổng cộng	**540**	**154**	**335**	**51**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	**Môn thi**	**Hình thức thi**	**Thời gian thi**
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/học sinh)
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề:		

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
	- Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 60 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 15 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết với thực hành*	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 15 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Nội dung	Thời gian thi
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: - Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của cơ sở mình để dễ theo dõi quản lý./.

Phụ lục 1B
CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Chế biến lương thực

Mã nghề: 50540101

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 39

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Mô tả được nguyên tắc hoạt động, tính năng, công dụng và quy trình vận hành, bảo dưỡng của một số máy móc, thiết bị, dụng cụ thường sử dụng trong chế biến lương thực;

+ Trình bày được phương pháp phân tích cơ bản, đặc tính của nguyên liệu trong chế biến lương thực và sự biến đổi của các thành phần trong quá trình sản xuất lương thực; đặc điểm và hoạt động của một số loại vi sinh vật;

+ Phân tích, đánh giá được chất lượng của nguyên liệu, bán thành phẩm và sản phẩm thành phẩm trong chế biến lương thực;

+ Trình bày được một số nguyên lý cơ bản, các quá trình cơ bản của quá trình chế biến lương thực;

+ Nêu được các bước và yêu cầu của từng bước thực hiện các công việc trong quy trình công nghệ chế biến các sản phẩm phổ biến như: gạo, bột mì, mì ăn liền, mì sợi, nui, bánh mì, bánh canh, miến, phở, bún, bánh tráng;...

+ Áp dụng được những kiến thức về quản lý chất lượng, tiêu chuẩn hóa trong việc tham gia xây dựng, duy trì các thủ tục kiểm tra, kiểm nghiệm chất lượng lương thực;

+ Trình bày được các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm trong quá trình thực hiện các thao tác.

- Kỹ năng:

+ Lựa chọn chính xác các loại máy móc, thiết bị, dụng cụ, hóa chất cần dùng để phân tích các chỉ tiêu chất lượng nguyên liệu, sản phẩm bán thành phẩm, sản phẩm thành phẩm trong chế biến lương thực;

+ Làm thành thạo các thao tác đối với từng công đoạn trong quá trình sản xuất và chế biến lương thực, cụ thể như các sản phẩm: gạo, bột mỳ, mì ăn liền, mì sợi, nui, bánh mì, bánh canh, miến, phở, bún, bánh tráng;...

+ Thực hiện các thao tác vận hành, kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng máy, thiết bị chế biến theo đúng trình tự quy định, đảm bảo an toàn;

+ Chế biến được sản phẩm lương thực thực phẩm theo quy trình công nghệ đạt các chỉ tiêu chất lượng sản phẩm yêu cầu, đảm bảo các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm và năng suất lao động;

+ Khắc phục kịp thời những sự cố thường xảy ra trong quá trình kiểm tra; thực hiện được các giải pháp phòng ngừa và cải tiến để nâng cao hiệu quả công tác sản xuất và đảm bảo chất lượng sản phẩm;

+ Kiểm soát được các hoạt động kiểm tra chất lượng sản phẩm lương thực nhằm đảm bảo sự tuân thủ các thủ tục, tiêu chuẩn hiện hành.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về Chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh, rèn luyện bản thân để trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước;

+ Có ý thức thực hiện nghiêm túc đường lối của Đảng, Pháp luật của Nhà nước và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Có ý thức chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác trong quá trình làm việc theo tổ, nhóm để nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.

+ Trung thực, cẩn thận, tỷ mỷ trong quá trình thực hiện thao tác phân tích;

+ Có ý thức tiết kiệm, bảo vệ dụng cụ, máy móc, thiết bị; bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ;

+ Có đạo đức và lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, sức khỏe nhằm giúp người học sau khi tốt nghiệp có khả năng tìm việc làm;

+ Có tinh thần tự học để nâng cao trình độ chuyên môn.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Vận dụng được một số kiến thức cơ bản về phương pháp tập luyện một số môn thể dục thể thao phổ biến vào quá trình tự luyện tập thành thói quen bảo vệ sức khỏe, phát triển thể lực chung và thể lực chuyên môn nghề nghiệp;

+ Thực hiện được một số kỹ thuật cơ bản của các môn thể dục thể thao phổ biến như: điền kinh, xà đơn, xà kép, bóng chuyền;

+ Trình bày được những nội dung chính về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; có ý thức làm tốt công tác quốc phòng, an ninh ở cơ sở và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang;

+ Thực hiện được một số kỹ năng quân sự cần thiết như: đội ngũ, bắn súng, ném lựu đạn; biết vận dụng vào phòng vệ cá nhân và tham gia bảo vệ an toàn đơn vị, cơ sở.

3. Cơ hội việc làm

Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề Chế biến lương thực sẽ:

+ Làm nhân viên phân tích, cán bộ kỹ thuật tại phòng phòng Kỹ thuật hoặc tham gia trực tiếp vào sản xuất tại các nhà máy, các cơ sở sản xuất sản phẩm của chế biến lương thực (sản xuất bột mì, mì ăn liền, tinh bột, bánh phở, nui, snack, bánh canh, miến, mì sợi…);

+ Làm việc tại các trung tâm kiểm định chất lượng về lương thực;

+ Trợ lý quản lý cho các cơ sở sản xuất chế biến lương thực ở quy mô vừa và nhỏ.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2,5 năm

- Thời gian học tập: 110 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3200 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 200 giờ

(Trong đó thi tốt nghiệp: 90 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2750 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2030 giờ; Thời gian học tự chọn: 720 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 982 giờ; Thời gian học thực hành: 1768 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**2030**	**590**	**1288**	**152**
II.1	*Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở*	**645**	**320**	**279**	**46**
MH 07	Vẽ kỹ thuật	60	28	27	5
MH 08	Hóa phân tích	75	42	28	5
MH 09	Hóa học và hóa sinh học thực phẩm	75	42	28	5
MH 10	Vi sinh vật học thực phẩm	75	42	28	5
MH 11	Vệ sinh an toàn thực phẩm	60	42	15	3
MH 12	Các quá trình công nghệ cơ bản trong chế biến thực phẩm	90	54	28	8
MH 13	An toàn lao động	60	42	15	3
MĐ 14	Phân tích thực phẩm	150	28	110	12
II.2	*Các môn học, mô đun chuyên môn nghề*	**1385**	**270**	**1009**	**106**
MH 15	Máy và thiết bị chế biến lương thực	90	60	24	6
MĐ 16	Kiểm tra, vệ sinh máy và thiết bị chế biến lương thực	90	28	55	7
MĐ 17	Bảo quản lương thực	90	28	55	7

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 18	Sản xuất gạo	120	28	80	12
MĐ 19	Sản xuất bột mì	120	28	80	12
MĐ 20	Sản xuất mì ăn liền	60	14	40	6
MĐ 21	Sản xuất mì sợi	60	14	40	6
MĐ 22	Sản xuất tinh bột	60	14	40	6
MĐ 23	Sản xuất bánh phở	60	14	40	6
MĐ 24	Sản xuất nui	60	14	40	6
MĐ 25	Bao bì và đóng gói sản phẩm lương thực	60	14	40	6
MĐ 26	Kiểm soát chất lượng sản phẩm lương thực	105	14	85	6
MĐ 27	Thực tập nghề nghiệp	410	0	390	20
	Tổng cộng	**2480**	**810**	**1488**	**182**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được xây dựng trên cơ sở sơ đồ phân tích nghề, bảng phân tích công việc và danh mục các công việc theo cấp trình độ đào tạo. Trong chương trình khung trình độ Cao đẳng nghề Chế biến lương thực đề xuất một số môn học và mô đun tự chọn được giới thiệu ở bảng dưới đây:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 28	Sản xuất bánh mì	60	14	40	6
MĐ 29	Sản xuất bánh canh	60	14	40	6
MĐ 30	Sản xuất miến	60	14	40	6
MĐ 31	Sản xuất bánh quy và bánh bông lan	60	14	40	6
MĐ 32	Sản xuất snack	60	14	40	6
MĐ 33	Sản xuất bánh tráng	60	14	40	6
MĐ 34	Sản xuất bún	60	14	40	6
MĐ 35	Sản xuất bột ngũ cốc	60	14	40	6
MH 36	Phụ gia thực phẩm	60	42	15	3
MH 37	Dinh dưỡng	60	42	15	3
MH 38	Ngoại ngữ chuyên ngành	60	42	15	3
MH 39	Kỹ năng làm việc nhóm	60	42	15	3
MH 40	Quản lý an toàn thực phẩm	60	42	15	3
MH 41	Quản lý sản xuất	60	42	15	3
MH 42	Phát triển sản phẩm	60	42	15	3
MH 43	Marketing thực phẩm	60	42	15	3
MH 44	Kỹ thuật xử lý môi trường	60	42	15	3

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Cao đẳng nghề Sản xuất gốm, sứ xây dựng đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các

Trường có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền;

- Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho trường mình;

- Ví dụ: Sau khi học các môn học chung, chọn các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc; có thể lựa chọn 12 trong số 17 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MĐ 28	Sản xuất bánh mì	60	14	40	6
MĐ 29	Sản xuất bánh canh	60	14	40	6
MĐ 30	Sản xuất miến	60	14	40	6
MĐ 31	Sản xuất bánh quy và bánh bông lan	60	14	40	6
MH 37	Dinh dưỡng	60	42	15	3
MH 38	Ngoại ngữ chuyên ngành	60	42	15	3
MH 39	Kỹ năng làm việc nhóm	60	42	15	3
MH 40	Quản lý an toàn thực phẩm	60	42	15	3
MH 41	Quản lý sản xuất	60	42	15	3
MH 42	Phát triển sản phẩm	60	42	15	3
MH 43	Marketing thực phẩm	60	42	15	3
MH 44	Kỹ thuật xử lý môi trường	60	42	15	3
	Tổng cộng	**720**	**280**	**388**	**52**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/sinh viên)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề:	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/sinh viên) Không quá 90 phút
	- Thực hành nghề:	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)*	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện, ngoài giờ học chính khóa cần tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa như: thể dục thể thao, văn hóa văn nghệ, các khóa tập huấn về kỹ năng sống, các khóa học thêm các kiến thức bổ trợ khác, các sinh hoạt giao lưu giữa các tập thể lớp với nhau hoặc giao lưu với các đơn vị ngoài trường, giao lưu với các doanh nghiệp, hoạt động xã hội, hoạt động từ thiện;

- Ngoài ra sinh viên có thể đọc thêm sách báo, tài liệu tham khảo tại thư viện, tham gia các đợt tham quan dã ngoại do trường hoặc lớp tự tổ chức;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày

Số TT	Nội dung	Thời gian
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của cơ sở mình để dễ theo dõi quản lý./.

Phụ lục 2

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ "THIẾT KẾ THỜI TRANG"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 2A

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: **Thiết kế thời trang**

Mã nghề: 40540206

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 37

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Có được kiến thức cơ bản về thẩm mỹ, cơ sở thiết kế thời trang và tính chất của vật liệu sử dụng trong thời trang;

+ Có khả năng trình bày được các bước cơ bản trong sáng tác mẫu;

+ Trình bày được một số yếu tố ảnh hưởng tới sự phát triển mốt thời trang;

+ Hiểu được phương pháp thiết kế các dạng trang phục cơ bản;

+ Nhận biết được quá trình sản xuất một số sản phẩm thời trang cơ bản;

+ Trình bày được các nguyên tắc đảm bảo an toàn và phòng chống cháy nổ khi sử dụng các thiết bị.

- Kỹ năng:

+ Phác thảo được các dáng người mẫu thời trang;

+ Sáng tác và vẽ được các mẫu trang phục theo ý tưởng;

+ Thể hiện được họa tiết, màu sắc trên bản vẽ;

+ Lựa chọn được nguyên vật liệu phù hợp với sản phẩm thiết kế;

+ Thiết kế và xây dựng được các loại mẫu sản xuất cho một số sản phẩm thời trang cơ bản;

+ Thực hiện được an toàn trong lao động và phòng chống cháy nổ.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Hiểu biết một số kiến thức cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh và Hiến pháp, Pháp luật của Nhà nước. Hiểu được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có hiểu biết về truyền thống tốt đẹp của giai cấp công nhân Việt Nam chung và công nhân ngành May nói riêng để kế thừa truyền thống phát triển năng lực của ngành trong giai đoạn tới, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Yêu nghề có tâm huyết với nghề và tác phong làm việc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa của dân tộc;

+ Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Có sức khỏe để tham gia học tập và làm việc trong ngành may;

+ Hiểu biết về phương pháp rèn luyện thể chất để nâng cao sức khỏe, tạo cơ hội phấn đấu và phát triển;

+ Hiểu biết những kiến thức, kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình giáo dục quốc phòng;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện theo nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp học sinh tham gia sản xuất và thiết kế thời trang tại các Doanh nghiệp trong và ngoài nước;

+ Các nhà may tư nhân;

+ Các hãng thời trang;

+ Các viện mốt thời trang (Làm nhiệm vụ tư vấn về xu hướng thời trang mới);

+ Ngoài ra học sinh có đủ năng lực tham gia học liên thông lên các bậc học cao hơn để phát triển kiến thức và kỹ năng nghề.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 150 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1650 giờ; Thời gian học tự chọn: 690 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 604 giờ; Thời gian học thực hành: 1736 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**1650**	**459**	**1021**	**170**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**495**	**225**	**203**	**67**
MĐ 07	Hình họa	150	20	112	18
MĐ 08	Cơ sở thẩm mỹ	45	13	23	9
MĐ 09	Trang trí cơ bản	60	8	34	18
MH 10	Văn hóa Việt Nam	30	24	0	6
MH 11	Lịch sử thời trang	30	22	6	2
MH 12	Marketing thời trang	30	26	2	2
MH 13	Mỹ học	30	26	0	4
MH 14	An toàn lao động	30	21	7	2
MH 15	Vẽ kỹ thuật	30	19	9	2
MH 16	Nhân trắc học may mặc	30	24	4	2
MH 17	Vật liệu thời trang	30	22	6	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1155**	**234**	**818**	**103**
MĐ 18	Thiết kế thời trang căn bản	45	14	24	7
MĐ 19	Sáng tác trang phục công sở	60	18	38	4
MĐ 20	Sáng tác trang phục trẻ em	60	18	38	4
MĐ 21	Sáng tác trang phục dạo phố	60	18	38	4
MĐ 22	Sáng tác trang phục dân tộc	30	8	18	4
MĐ 23	Ứng dụng tin học trong đồ họa trang phục	90	20	64	6
MĐ 24	Thiết kế trang phục căn bản	75	27	38	10
MĐ 25	Kỹ thuật may căn bản	240	30	189	21
MĐ 26	Công nghệ sản xuất	60	24	32	4
MĐ 27	Thiết kế trên Manocanh	90	27	48	15
MĐ 28	Thực hành nâng cao	195	19	158	18
MĐ 29	Thực tập tốt nghiệp	150	11	133	6
Tổng cộng		**1860**	**565**	**1108**	**187**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn, thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 30	Sáng tác trang phục xuân hè	30	8	18	4
MĐ 31	Sáng tác trang phục thu đông	30	8	18	4
MĐ 32	Hình họa nâng cao	90	9	69	12
MĐ 33	Sáng tác thời trang trẻ	75	19	50	6
MĐ 34	Sáng tác trang phục ấn tượng	60	18	38	4
MĐ 35	Sáng tác trang phục dạ hội	60	18	38	4
MĐ 36	Thiết kế mẫu công nghiệp	75	16	54	5
MĐ 37	Thực hành may căn bản	195	25	152	18
MĐ 38	Sáng tác trang phục bảo hộ lao động	30	8	18	4
MH 39	Tiếng Anh chuyên ngành	45	26	17	2
MĐ 40	Kỹ thuật may các sản phẩm nâng cao	195	21	156	18

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80% dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: Lý thuyết chiếm từ 15% đến 30%, thực hành chiếm từ 70% đến 85%;

+ Các mô đun đào tạo nghề tự chọn được xác định dựa trên kết quả điều tra, khảo sát nghề May thời trang ở nhiều doanh nghiệp trong cả nước và xét đến xu thế phát triển nghề trong giai đoạn tới. Để xác định thời gian đào tạo cho các mô đun tự chọn cũng cần phải phân tích công việc qua các phiếu phân tích công việc như đối với các mô đun đào tạo nghề bắt buộc.

- Ví dụ: Có thể chọn 08 trong số 12 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MĐ 30	Sáng tác trang phục xuân hè	30	8	18	4
MĐ 31	Sáng tác trang phục thu đông	30	8	18	4
MĐ 32	Hình họa nâng cao	90	9	69	12
MĐ 36	Thiết kế mẫu công nghiệp	75	16	54	5
MĐ 37	Thực hành may căn bản	195	25	152	18
MĐ 38	Sáng tác trang phục bảo hộ lao động	30	8	18	4
MH 39	Tiếng Anh chuyên ngành	45	26	17	2
MĐ 40	Kỹ thuật may các sản phẩm nâng cao	195	21	156	18
Tổng cộng		**690**	**121**	**502**	**67**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	**Môn thi**	**Hình thức thi**	**Thời gian thi**
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 90 phút
2	Văn hóa trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề:		

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
	Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị, trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 90 phút
	Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)*	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp, các Trường có thể:

- Tổ chức cho học sinh đi thăm quan dã ngoại ở một số nhà bảo tàng, di tích lịch sử hoặc những nơi có nhiều phong cảnh;

- Tổ chức hội thảo tìm hiểu về xu hướng thời trang trong và ngoài nước;

- Thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo như sau:

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	Phổ biến các quy chế đào tạo nghề, nội quy của trường và lớp học Phân lớp, làm quen với giáo viên chủ nhiệm
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại	Cá nhân, nhóm thực hiện hoặc tập thể	Vào các ngày lễ lớn trong năm: + Lễ khai giảng năm học mới; + Ngày thành lập Đảng, Đoàn;	Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc theo nhóm Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
			+ Ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20 - 11…	
3	Tham quan phòng truyền thống của ngành, của trường	Tập trung	Vào dịp hè, ngày nghỉ trong tuần	Rèn luyện ý thức, tổ chức, kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường
4	Tham quan các cơ sở sản xuất và kinh doanh thời trang	Tập trung nhóm	Cuối năm học thứ 2 hoặc thứ 3; hoặc trong quá trình thực tập	Nhận thức đầy đủ về nghề Tìm kiếm cơ hội việc làm
5	Đọc và tra cứu sách, tài liệu thư viện	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	Nghiên cứu bổ sung các kiến thức chuyên môn Tìm kiếm thông tin nghề nghiệp trên Internet

4. Các chú ý khác

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của cơ sở mình để dễ theo dõi, quản lý./.

Phụ lục 2B

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Thiết kế thời trang

Mã nghề: 50540206

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 43

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Chỉ ra được phương pháp dựng hình cơ bản trong hình họa;

+ Trình bày được những kiến thức cơ bản về thẩm mỹ, cơ sở thiết kế thời trang và các tính chất của vật liệu sử dụng sản xuất sản phẩm thời trang;

+ Nêu lên được đặc điểm phát triển hình thái và cấu tạo của cơ thể người Việt Nam;

+ Giải thích được các bước cơ bản trong sáng tác mẫu;

+ Trình bày được những khái niệm: văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và các quan niệm của người Việt;

+ Chỉ ra được lịch sử phát triển trang phục Việt Nam và Thế giới về chất liệu, màu sắc, kiểu dáng trang phục qua các thời kỳ;

+ Trình bày được các kiến thức cơ bản về Marketing và các phương pháp đánh giá thị trường thời trang;

+ Phân tích được các xu hướng ảnh hưởng tới sự phát triển mốt thời trang;

+ Giải thích được phương pháp thiết kế các kiểu trang phục thời trang;

+ Phân tích được quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm thời trang;

+ Trình bày được các nguyên tắc đảm bảo an toàn và phòng chống cháy nổ khi sử dụng các thiết bị.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được các bài tập thực hành rèn luyện kỹ năng nghề;

+ Phác thảo được các dáng người mẫu;

+ Sử dụng được các trang thiết bị trong nghề;

+ Sáng tác và vẽ được các mẫu trang phục theo chủ đề và ý tưởng: Trang phục công sở, trang phục dạo phố, trang phục trẻ em…;

+ Thể hiện được họa tiết, chất liệu, màu sắc trên bản vẽ;

+ Lựa chọn được nguyên vật liệu phù hợp với sản phẩm thiết kế;

+ Thiết kế được các loại mẫu phục vụ quá trình sản xuất sản phẩm: mẫu mỏng, mẫu cứng...;

+ Xây dựng được quy trình sản xuất sản phẩm thời trang đạt hiệu quả;

+ Ứng dụng được các phần mềm tin học phục vụ cho công việc sáng tác và thiết kế sản phẩm thời trang;

+ Tổ chức thực hiện nghiên cứu thị trường và tiếp thị sản phẩm;

+ Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;

+ Thực hiện an toàn trong lao động và phòng chống cháy nổ.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Yêu nước, trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Yêu nghề, có khả năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm. Có kỹ năng lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc và địa phương trong từng giai đoạn lịch sử;

+ Có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Rèn luyện thân thể bảo đảm sức khỏe học tập và công tác khi ra trường, phù hợp với lao động nghề nghiệp;

+ Có kiến thức và kỹ năng về quân sự phổ thông để thực hiện nghĩa vụ quốc phòng toàn dân.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp sinh viên tham gia sản xuất và thiết kế thời trang tại các Doanh nghiệp trong và ngoài nước:

+ Các nhà may tư nhân;

+ Các hãng thời trang;

+ Các viện mốt thời trang (Là chuyên viên nghiên cứu và làm nhiệm vụ tư vấn về xu hướng thời trang mới);

+ Ngoài ra sinh viên có đủ năng lực để tham gia học liên thông lên các bậc học cao hơn để phát triển kiến thức và kỹ năng nghề.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2310 giờ; Thời gian học tự chọn: 990 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 877 giờ; Thời gian học thực hành: 2423 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**2310**	**614**	**1479**	**217**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**705**	**250**	**373**	**82**
MĐ 07	Hình họa 1	90	4	71	15
MĐ 08	Cơ sở thẩm mỹ	60	8	48	4
MĐ 09	Trang trí cơ bản	75	8	49	18
MĐ 10	Hình họa 2	90	5	72	13
MH 11	Văn hóa Việt Nam	30	24	0	6
MH 12	Lịch sử thời trang	30	22	6	2
MH 13	Marketing thời trang	45	27	15	3
MH 14	Mỹ học	30	26	0	4
MH 15	An toàn lao động	30	21	7	2
MH 16	Vẽ kỹ thuật	30	19	9	2
MH 17	Nhân trắc học may mặc	30	24	4	2
MH 18	Vật liệu thời trang	45	32	10	3
MĐ 19	Ứng dụng tin học trong đồ họa trang phục	120	30	82	8
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1605**	**364**	**1106**	**135**
MĐ 20	Tiếng Anh chuyên ngành	75	42	30	3
MĐ 21	Thiết kế thời trang căn bản	60	19	33	8
MĐ 22	Sáng tác trang phục công sở	75	25	41	9
MĐ 23	Sáng tác trang phục trẻ em	75	25	41	9
MĐ 24	Sáng tác trang phục xuân hè	45	15	22	8
MĐ 25	Sáng tác trang phục thu đông	45	15	22	8
MĐ 26	Thiết kế trang phục căn bản	90	33	47	10
MĐ 27	Ứng dụng tin học trong thiết kế trang phục	150	53	87	10
MĐ 28	Kỹ thuật may căn bản	285	39	225	21
MĐ 29	Công nghệ sản xuất	90	30	53	7

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 30	Thiết kế trên Manocanh	150	33	99	18
MĐ 31	Thực hành nâng cao	270	19	233	18
MĐ 32	Thực tập tốt nghiệp	195	16	173	6
Tổng cộng		**2760**	**834**	**1679**	**247**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 33	Trang trí nâng cao	75	7	50	18
MĐ 34	Hình họa nâng cao	120	6	86	28
MH 35	Giải phẫu học	45	22	20	3
MH 36	Lịch sử mỹ thuật	30	24	0	6
MĐ 37	Sáng tác thời trang trẻ	90	25	55	10
MĐ 38	Sáng tác trang phục dân tộc	45	15	22	8
MĐ 39	Nghệ thuật tạo hình	90	14	61	15
MĐ 40	Sáng tác trang phục dạo phố	75	25	41	9
MĐ 41	Sáng tác trang phục ấn tượng	75	25	41	9
MĐ 42	Sáng tác trang phục dạ hội	75	25	41	9
MĐ 43	Sáng tác trang phục bảo hộ lao động	45	15	22	8

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 44	Thiết kế mẫu công nghiệp	90	30	50	10
MĐ 45	Thực hành may căn bản	240	30	188	22
MĐ 46	Thiết kế một số dạng áo Jacket	120	33	75	12
MĐ 47	Thiết kế Veston căn bản	90	22	54	14
MH 48	Quản trị doanh nghiệp	45	30	12	3
MĐ 49	Kỹ thuật may các sản phẩm nâng cao	270	31	221	18
MĐ 50	Thiết kế nghệ thuật trình diễn	60	19	38	3

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80%; dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm tỷ lệ từ 25% đến 35%, thực hành chiếm tỷ lệ từ 65% đến 75%.

- Ví dụ: có thể lựa chọn 11 trong số 16 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 33	Trang trí nâng cao	75	7	50	18
MĐ 34	Hình họa nâng cao	120	6	86	28
MH 36	Lịch sử mỹ thuật	30	24	0	6
MĐ 37	Sáng tác thời trang trẻ	90	25	55	10
MĐ 38	Sáng tác trang phục dân tộc	45	15	22	8
MĐ 41	Sáng tác trang phục ấn tượng	75	25	41	9

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 42	Sáng tác trang phục dạ hội	75	25	41	9
MĐ 43	Sáng tác trang phục bảo hộ lao động	45	15	22	8
MĐ 45	Thực hành may căn bản	240	30	188	22
MĐ 46	Thiết kế một số dạng áo Jacket	120	33	75	12
MĐ 40	Sáng tác trang phục dạo phố	75	25	41	9
Tổng cộng		**990**	**230**	**621**	**139**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, Các cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu đề mục 1.1;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Cơ sở mình.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 90 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
	- Thực hành nghề	Trắc nghiệm Bài thi thực hành	phút chuẩn bị, trả lời 20 phút/sinh viên) Không quá 90 phút Không quá 24 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)*	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp, các Trường có thể:

- Tổ chức cho sinh viên đi thăm quan dã ngoại ở một số nhà bảo tàng, di tích lịch sử hoặc những nơi có nhiều phong cảnh đẹp;

- Tổ chức hội thảo tìm hiểu về xu hướng thời trang trong và ngoài nước;

- Thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo như sau:

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	Phổ biến các quy chế đào tạo nghề, nội quy của trường và lớp học
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại	Cá nhân, nhóm hoặc tập thể thực hiện	Vào các ngày lễ lớn trong năm: + Lễ khai giảng năm học mới + Ngày thành lập Đảng, đoàn + Ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20-11...	Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc nhóm; Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
3	Tham quan phòng truyền thống của ngành, của trường	Tập trung	Vào dịp hè, ngày nghỉ trong tuần	Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường
4	Tham quan các cơ sở sản xuất, viện mốt và kinh doanh thời trang	Tập trung, nhóm	Cuối năm học thứ 2 hoặc thứ 3 hoặc trong quá trình thực tập	Nhận thức đầy đủ về nghề Tìm kiếm cơ hội việc làm
5	Đọc và tra cứu sách, tài liệu tại thư viện	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	Nghiên cứu bổ sung các kiến thức chuyên môn Tìm kiếm thông tin nghề nghiệp trên Internet

4. Các chú ý khác

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của cơ sở mình để thuận tiện cho quá trình theo dõi, quản lý./.

Phụ lục 3

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ "ĐIỀU KHIỂN TÀU CUỐC"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 3A

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Điều khiển tầu cuốc

Mã nghề: 40510255

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa Trung học phổ thông theo quy định Bộ Giáo dục và đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 35

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Có kiến thức cơ bản về vẽ kỹ thuật, vật liệu, kỹ thuật an toàn điện, an toàn sông nước và bảo vệ môi trường sông biển, cơ học đất, đo lường điện và một số kiến thức liên quan về điện, cơ khí để hỗ trợ cho việc tiếp thu kiến thức chuyên môn nghề Điều khiển tầu cuốc;

+ Trình bày được cấu tạo, nguyên lý làm việc, đặc điểm của các loại máy và thiết bị điện; các loại máy và thiết bị thủy lực; các loại thiết bị và bộ phận cơ khí trên các tầu cuốc có công suất tới 1600 CV;

+ Phân biệt được kết cấu, tính năng và điều kiện làm việc của các tầu cuốc thông dụng để điều khiển tầu an toàn và hiệu quả;

+ Trình bày được các bước trong quy trình, quy phạm trong thi công và quản lý;

+ Ghi nhớ và hiểu được quy trình bảo dưỡng, sửa chữa các cấp đối với các hệ thống điện, cơ khí, thủy lực trên tầu.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng được các dụng cụ đồ nghề, các dụng cụ chuyên dùng và dụng cụ đo kiểm trong sửa chữa thiết bị điện, thiết bị cơ khí, thiết bị thủy lực trên tầu;

+ Đọc được bản vẽ thi công, lựa chọn được phương pháp thi công hợp lý;

+ Điều khiển được các loại tầu HB, HF, HV an toàn và đúng quy trình;

+ Thi công đúng kỹ thuật, đảm bảo năng suất, chất lượng và hiệu quả;

+ Làm được các nội dung bảo dưỡng ca, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ cho tầu, máy;

+ Sửa chữa được các hư hỏng đơn giản trong thi công.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về Chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh;

+ Có lòng yêu quê hương đất nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng và lợi ích của dân tộc. Thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền hạn của công dân trong lao động sản xuất, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Có hiểu biết về hiến pháp, pháp luật và Luật Lao động của Nhà nước. Nắm vững quyền và nghĩa vụ của người công dân Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có đạo đức, lương tâm, ý thức và tác phong nghề nghiệp, yêu lao động, biết sáng tạo, làm việc có khoa học phù hợp với thực tiễn sản xuất;

+ Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu phát triển đổi mới của công nghệ.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về rèn luyện thể chất để có sức khỏe học tập và làm việc;

+ Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về an ninh quốc phòng;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp học sinh có thể làm việc trực tiếp trên các loại tầu cuốc thông dụng hoặc vận hành máy tầu thủy trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất

thuộc lĩnh vực xây dựng thủy lợi; thi công cơ giới thủy trên phạm vi cả nước. Ngoài ra có thể làm việc ở các trạm bơm hạ áp có công suất tới 75 KW.

II. THỜI GIAN KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 1,5 năm

- Thời gian học tập: 68 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2250 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 90 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2040 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1560 giờ; Thời gian học tự chọn: 480 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 569 giờ; Thời gian học thực hành: 1471 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo trong chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo lôgic sư phạm đảm bảo cho học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**1560**	**422**	**1052**	**86**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**235**	**125**	**93**	**17**
MH 07	Vẽ kỹ thuật	45	30	12	3
MH 08	Vật liệu kỹ thuật	30	20	8	2
MĐ 09	Hàn điện cơ bản	40	10	26	4
MH 10	Cơ học đất	30	20	8	2
MĐ 11	Kỹ thuật đo lường điện	30	8	20	2
MĐ 12	Kỹ thuật an toàn lao động	30	15	13	2
MH 13	Luật giao thông thủy và bảo vệ môi trường	30	22	6	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1325**	**285**	**973**	**67**
MĐ 14	Thiết bị điện tầu cuốc	120	35	77	8
MH 15	Động cơ đốt trong	60	36	20	4
MĐ 16	Máy thủy lực và Truyền động thủy lực	60	22	34	4
MĐ 17	Cơ cấu phay và vận chuyển bùn, đất	120	32	80	8
MĐ 18	Hệ thống tời	40	8	28	4
MĐ 19	Bảo dưỡng ly hợp, hộp số	40	12	25	3
MĐ 20	Bảo dưỡng thiết bị thủy lực tầu cuốc	45	10	32	3
MĐ 21	Bảo dưỡng vỏ tầu và phao ống	30	8	20	2
MH 22	Kỹ thuật thi công tầu cuốc	45	35	7	3
MĐ 23	Điều khiển cuốc điện	100	20	74	6
MĐ 24	Điều khiển cuốc thủy lực	75	15	56	4
MĐ 25	Trắc địa công trình	60	16	40	4
MĐ 26	Thủy nghiệp	100	20	74	6
MĐ 27	Thực tập điều khiển tầu thi công	150	16	126	8
MĐ 28	Thực tập tốt nghiệp	280	0	280	0
	Tổng cộng	**1770**	**516**	**1153**	**101**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 29	Nâng cao hiệu quả trong thi công tầu cuốc	45	17	25	3
MĐ 30	Điều khiển cuốc gầu	120	32	80	8
MĐ 31	Kỹ thuật lắp đặt thiết bị thủy lực	60	20	36	4
MĐ 32	Kỹ năng giao tiếp	30	12	16	2
MH 33	Thủy văn công trình	45	22	20	3
MĐ 34	Thủy khí động lực	60	20	36	4
MĐ 35	Vận hành và bảo dưỡng động cơ DIEZEN trên tầu cuốc	120	24	90	6
MĐ 36	AUTOCAD	45	10	32	3
MH 37	Kinh tế thi công tầu cuốc	45	26	16	3
MĐ 38	Tự động hóa quá trình sản xuất	75	31	40	4

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng môi trường lao động cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng, miền của địa phương cần có;

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các Trường tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, môn đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho cơ sở của mình;

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như:

+ Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;

+ Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của địa phương hoặc của từng môi trường lao động cụ thể;

+ Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;

+ Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

- Về thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn, các Trường tự bố trí, cân đối vào các học kỳ cho phù hợp tiến độ và tính chất môn học, mô đun (có thể bố trí từ học kỳ III trở đi, tùy tính chất từng môn học, mô đun);

- Về thời lượng chi tiết của từng bài học trong các môn học, mô đun tự chọn, các Trường có thể tự cân đối, thay đổi sao cho phù hợp với nội dung yêu cầu;

- Ví dụ: có thể lựa chọn 7 trong số 10 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun lựa chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MĐ 29	Nâng cao hiệu quả trong thi công tầu cuốc	45	17	25	3
MĐ 30	Điều khiển cuốc gầu	120	32	80	8
MĐ 31	Kỹ thuật lắp đặt thiết bị thủy lực	60	20	36	4
MĐ 32	Kỹ năng giao tiếp	30	12	16	2
MH 33	Thủy văn công trình	45	22	20	3
MĐ 34	Thủy khí động lực	60	20	36	4
MĐ 35	Vận hành và bảo dưỡng động cơ DIEZEN trên tầu cuốc	120	24	90	6
	Cộng	**480**	**147**	**303**	**30**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp lý thuyết với thực hành)*	 Viết Vấn đáp Trắc nghiệm Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	 Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 90 phút Không quá 12 giờ Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện, để học sinh có được nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Trường có thể bố trí tham quan, học tập dã ngoại tại các xí nghiệp, công ty tầu cuốc và xây dựng với kỹ thuật điều khiển hiện đại, tự động hóa cao;

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hóa xã hội ... có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)

Số TT	Nội dung	Thời gian
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4. Các chú ý khác

Khi các Trường thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun đào tạo tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun đào tạo trong chương trình đào tạo của mình để dễ theo dõi và quản lý./.

Phụ lục 3B

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Điều khiển tầu cuốc

Mã nghề: 50510255

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 48

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Nắm được các kiến thức cơ bản về vẽ kỹ thuật, vật liệu, kỹ thuật an toàn điện, an toàn sông nước và bảo vệ môi trường sông biển, cơ học đất, đo lường điện và một số kiến thức liên quan về điện, cơ khí để hỗ trợ cho việc tiếp thu kiến thức chuyên môn nghề Điều khiển tầu cuốc;

+ Trình bày và phân tích được cấu tạo, nguyên lý làm việc, đặc điểm của các loại máy và thiết bị điện; các loại máy và thiết bị thủy lực; các loại thiết bị và bộ phận cơ khí trên các tầu cuốc;

+ So sánh được kết cấu, tính năng và điều kiện làm việc của các tầu cuốc thông dụng để điều khiển tầu an toàn và hiệu quả;

+ Hiểu được cách xây dựng quy trình, quy phạm trong thi công và quản lý sản xuất;

+ Ghi nhớ và hiểu được quy trình bảo dưỡng, sửa chữa các cấp đối với các hệ thống điện, cơ khí, thủy lực trên tầu;

+ Phân tích được phương án thi công tầu cuốc hợp lý;

+ Hiểu được các định mức và cách lập dự toán thi công tầu cuốc.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng thành thạo các dụng cụ đồ nghề, các dụng cụ chuyên dùng và dụng cụ đo kiểm trong sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện, thiết bị cơ khí, thiết bị thủy lực trên tầu;

+ Đọc được bản vẽ thi công, lựa chọn được phương án thi công hợp lý;

+ Xây dựng được quy trình, quy phạm trong thi công và quản lý sản xuất;

+ Xây dựng được các định mức và cách lập dự toán thi công tầu cuốc;

+ Điều khiển được các loại tầu HB, HF, HV, BEAVER an toàn và đúng quy trình;

+ Lựa chọn được phương án thi công tầu cuốc hợp lý;

+ Thi công đúng kỹ thuật, đảm bảo năng suất, chất lượng, hiệu quả và đảm bảo vệ sinh môi trường;

+ Làm được các nội dung bảo dưỡng ca, bảo dưỡng thường xuyên và định kỳ cho tầu, máy;

+ Xử lý được các sự cố kỹ thuật và hư hỏng thông thường trong thi công;

+ Vẽ được bản vẽ hoàn công;

+ Lập được hồ sơ nhận thầu, hồ sơ thanh quyết toán công trình;

+ Tổ chức và quản lý được các hoạt động sản xuất trên tầu.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh;

+ Có lòng yêu quê hương đất nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng và lợi ích của dân tộc;

+ Thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền hạn của công dân trong lao động sản xuất, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;

+ Có hiểu biết về hiến pháp, pháp luật và Luật Lao động của Nhà nước;

+ Nắm vững quyền và nghĩa vụ của người công dân Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có đạo đức, lương tâm, ý thức và tác phong nghề nghiệp, yêu lao động, biết sáng tạo, làm việc có khoa học phù hợp với thực tiễn sản xuất;

+ Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu phát triển đổi mới của công nghệ.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về rèn luyện thể chất để có sức khỏe học tập và làm việc;

+ Có kiến thức, kỹ năng cơ bản về an ninh quốc phòng;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp sinh viên sẽ:

- Làm việc trực tiếp trên các loại tầu cuốc thông dụng hoặc vận hành máy tầu thủy trong các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất thuộc lĩnh vực xây dựng thủy lợi; thi công cơ giới thủy trên phạm vi cả nước. Ngoài ra có thể làm việc ở các trạm bơm hạ áp có công suất tới 75 KW;

- Làm việc ở các trung tâm tư vấn giám sát thi công tầu cuốc;

- Làm kỹ thuật viên trong các doanh nghiệp tầu cuốc.

II. THỜI GIAN KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2,5 năm

- Thời gian học tập: 110 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3200 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 400 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 90 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2750 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2090 giờ; Thời gian học tự chọn: 660 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 746 giờ; Thời gian học thực hành: 2004 giờ

III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**2090**	**554**	**1416**	**120**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**355**	**155**	**175**	**25**
MH 07	Vẽ kỹ thuật	45	30	12	3
MH 08	Vật liệu kỹ thuật	30	20	8	2
MĐ 09	Hàn điện cơ bản	40	10	26	4
MH 10	Cơ học đất	30	20	8	2
MĐ 11	Kỹ thuật đo lường điện	30	8	20	2
MĐ 12	Kỹ thuật an toàn lao động	30	15	13	2
MH 13	Luật Giao thông thủy và bảo vệ môi trường	30	22	6	2
MĐ 14	Điện tử cơ bản	60	16	40	4
MĐ 15	PLC cơ bản	60	14	42	4
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1735**	**399**	**1241**	**95**
MH 16	Kỹ thuật cảm biến	30	16	12	2
MĐ 17	AUTOCAD	45	10	32	3
MĐ 18	Thiết bị điện tầu cuốc	120	35	77	8
MH 19	Động cơ đốt trong	60	36	20	4
MĐ 20	Máy thủy lực và Truyền động thủy lực 1	60	22	34	4
MĐ 21	Máy thủy lực và Truyền động thủy lực 2	45	10	32	3
MĐ 22	Cơ cấu phay và vận chuyển bùn, đất	120	32	80	8
MĐ 23	Hệ thống tời	40	8	28	4
MĐ 24	Bảo dưỡng ly hợp, hộp số	40	12	25	3
MĐ 25	Bảo dưỡng thiết bị thủy lực tầu cuốc	45	10	32	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 26	Sửa chữa thiết bị điện tầu cuốc	60	16	40	4
MĐ 27	Bảo dưỡng vỏ tầu và phao ống	30	8	20	2
MH 28	Kỹ thuật thi công tầu cuốc	45	35	7	3
MĐ 29	Điều khiển cuốc điện	100	20	74	6
MĐ 30	Điều khiển cuốc thủy lực	75	15	56	4
MĐ 31	Điều khiển cuốc thủy lực nâng cao	40	8	28	4
MĐ 32	Trắc địa công trình	60	16	40	4
MĐ 33	Thủy nghiệp	100	20	74	6
MH 34	Kinh tế thi công tầu cuốc	45	20	22	3
MH 35	Tổ chức sản xuất	45	22	20	3
MĐ 36	Thực tập điều khiển tầu thi công 1	150	16	126	8
MĐ 37	Thực tập điều khiển tầu thi công 2	100	12	82	6
MĐ 38	Thực tập tốt nghiệp	280	0	280	0
	Tổng cộng:	**2540**	**774**	**1636**	**150**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 39	Nâng cao hiệu quả trong thi công tầu cuốc	45	17	25	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 40	Thiết bị và thi công cuốc gầu	120	32	80	8
MĐ 41	Kỹ thuật lắp đặt thiết bị thủy lực	60	20	36	4
MĐ 42	Kỹ năng giao tiếp	30	12	16	2
MH 43	Thủy văn công trình	45	22	20	3
MĐ 44	Thủy khí động lực	60	20	36	4
MĐ 45	Vận hành và bảo dưỡng động cơ DIEZEN trên tầu cuốc	120	24	90	6
MĐ 46	Điều khiển tầu cuốc nhiều gầu	60	18	38	4
MĐ 47	Điều khiển Logic	45	12	30	3
MĐ 48	Tự động hóa quá trình sản xuất	60	18	42	4
M§ 49	Dung sai lắp ghép và đo lường	40	18	20	2
MĐ 50	Sửa chữa ly hợp, hộp số và bơm bùn	80	20	54	6
MĐ 51	Sửa chữa động cơ DIEZEN trên tầu cuốc	80	24	50	6

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng môi trường lao động cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng, miền của địa phương cần có;

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục III, các Trường tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học, môn đun đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho cơ sở của mình;

- Việc xác định các môn học, mô đun tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như:

+ Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề;

+ Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của địa phương hoặc của từng môi trường lao động cụ thể;

+ Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định;

+ Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

- Về thời gian đào tạo các môn học, mô đun tự chọn, các Trường tự bố trí, cân đối vào các học kỳ cho phù hợp tiến độ và tính chất môn học, mô đun (có thể bố trí từ học kỳ III trở đi, tùy tính chất từng môn học, mô đun);

- Về thời lượng chi tiết của từng bài học trong các môn học, mô đun tự chọn, các Trường có thể tự cân đối, thay đổi sao cho phù hợp với nội dung yêu cầu.

- Ví dụ: có thể lựa chọn 10 trong số 13 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun lựa chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MĐ 39	Nâng cao hiệu quả trong thi công tầu cuốc	45	17	25	3
MĐ 40	Thiết bị và thi công cuốc gầu	120	32	80	8
MĐ 41	Kỹ thuật lắp đặt thiết bị thủy lực	60	20	36	4
MĐ 42	Kỹ năng giao tiếp	30	12	16	2
MH 43	Thủy văn công trình	45	22	20	3
MĐ 44	Thủy khí động lực	60	20	36	4
MĐ 45	Vận hành và bảo dưỡng động cơ DIEZEN trên tầu cuốc	120	24	90	6
MĐ 46	Điều khiển tầu cuốc nhiều gầu	60	18	38	4
MĐ 47	Dung sai lắp ghép và đo lường	40	18	20	2
MĐ 48	Sửa chữa ly hợp, hộp số và bơm bùn	80	20	54	6
	Cộng:	**660**	**192**	**425**	**43**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	**Môn thi**	**Hình thức thi**	**Thời gian thi**
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
2	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp lý thuyết với thực hành)*	 Viết Vấn đáp Trắc nghiệm Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	 Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/sinh viên) Không quá 90 phút Không quá 12 giờ Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện, để sinh viên có được nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Trường có thể bố trí tham quan, học tập dã ngoại tại các xí nghiệp, công ty tầu cuốc và xây dựng với kỹ thuật điều khiển hiện đại, tự động hóa cao;

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức về văn hóa xã hội... có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	 Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/ tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	 Tất cả các ngày làm việc trong tuần

Số TT	Nội dung	Thời gian
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4. Các chú ý khác

Khi các Trường tự thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun đào tạo tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun đào tạo trong chương trình đào tạo của mình để dễ theo dõi và quản lý./.

Phụ lục 4

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ "KỸ THUẬT LẮP ĐẶT ĐÀI TRẠM VIỄN THÔNG"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 4A

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Kỹ thuật lắp đặt đài trạm viễn thông

Mã nghề: 40510356

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo)

Số lượng môn học, môn đun đào tạo: 33

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Biết được các kiến thức cở sở về Tin học, Anh văn;

+ Biết được các kiến thức cở sở về các loại nguồn điện AC và DC cũng như phương pháp bảo vệ và an toàn điện;

+ Hiểu được các kiến thức cơ sở về điện tử và viễn thông;

+ Nắm được các kiến thức cơ sở về lắp đặt đài trạm viễn thông;

+ Nắm được một cách khái quát nguyên lý, nguyên tắc hoạt động của các thiết bị điện tử viễn thông;

+ Biết được các tiêu chuẩn, các thông số kỹ thuật của các thiết bị điện tử viễn thông;

+ Nắm được các kiến thức đã được trang bị để làm việc khi công nghệ điện tử viễn thông liên tục phát triển.

- Kỹ năng:

+ Biết thực hiện các công việc cụ thể trong quy trình lắp đặt, sửa chữa được các thiết bị điện tử viễn thông như: Lắp đặt cáp đồng cũng như các quang, lắp đặt các tủ thiết bị viễn thông, lắp đặt điện và các thiết bị phụ trợ khác;

+ Vận hành, khai thác được các thiết bị cơ bản trong đài trạm viễn thông;

+ Hướng dẫn thực hành được ở các trường học nghề, trường phổ thông;

+ Kiểm tra được các chỉ tiêu chất lượng cơ bản của các trang thiết bị;

+ Ứng dụng được một số kỹ thuật công nghệ mới, làm việc độc lập và có khả năng sáng tạo cải tiến trong quá trình làm việc;

+ Hướng dẫn được các nhân viên ở trình độ nghề thấp hơn.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;

+ Biết được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp;

+ Có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao trình độ nghề nghiệp, để đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Thường xuyên rèn luyện thân thể để có sức khỏe học tập và công tác lâu dài;

+ Nắm được đường lối quốc phòng của Đảng và luyện tập quân sự sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

- Làm việc ở các công ty hoạt động trong lĩnh vực lắp đặt đài trạm viễn thông ở các vị trí như lắp đặt, triển khai dự án, tư vấn, tham gia kiểm tra kỹ thuật, vận hành hệ thống;

- Làm việc ở các trường học ở vị trí phòng thí nghiệm, dạy học cho các đối tượng có bậc nghề thấp hơn;

- Có thể học tiếp tục ở bậc cao đẳng;

- Tham gia mở doanh nghiệp.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học: 2550 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 200 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1765 giờ; Thời gian học tự chọn: 575 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 590 giờ; Thời gian học thực hành: 1750 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**1765**	**441**	**1231**	**93**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**570**	**208**	**339**	**23**
MH 07	Bảo hộ lao động và an toàn điện	30	15	13	2
MĐ 08	Vẽ kỹ thuật	45	20	23	2
MĐ 09	Cơ kỹ thuật	45	25	18	2
MĐ 10	AUTOCAD	30	14	15	1
MĐ 11	Kỹ thuật điện cao áp	60	19	39	2
MĐ 12	Nguồn điện, máy điện	60	25	33	2
MĐ 13	Đo lường điện - vô tuyến điện	90	20	67	3
MĐ 14	Cấu kiện điện tử	90	30	57	3
MĐ 15	Điện tử tương tự	60	20	37	3
MĐ 16	Điện tử số	60	20	37	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1195**	**233**	**892**	**70**
MĐ 17	Các hệ thống thông tin số	75	20	50	5
MĐ 18	Mạng viễn thông	90	30	57	3
MĐ 19	Thực hành điện tử cơ bản	100	0	90	10
MĐ 20	Anh văn chuyên ngành	90	33	51	6
MĐ 21	Kỹ thuật thông tin hữu tuyến	120	30	87	3
MĐ 22	Kỹ thuật thông tin vô tuyến	120	25	92	3
MĐ 23	Thông tin di động	120	30	86	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 24	Thông tin quang	120	30	86	4
MĐ 25	Thiết bị đầu cuối thông tin	120	35	83	2
MĐ 26	Thực tập tốt nghiệp	240	0	210	30
	Tổng cộng	**1975**	**547**	**1318**	**110**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH DẠY NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 27	Thông tin vệ tinh	90	20	67	3
MĐ 28	Kỹ thuật máy tính	60	20	37	3
MĐ 29	Kỹ thuật vi xử lý	90	20	67	3
MĐ 30	Kỹ thuật chuyển mạch	90	30	57	3
MĐ 31	Kỹ thuật truyền số liệu	90	25	61	4
MĐ 32	Truyền thông đa phương tiện	110	20	87	3
MĐ 33	Quản lý mạng viễn thông	45	10	32	3
MĐ 34	Thông tin vi ba	90	30	57	3
MĐ 35	Kỹ thuật anten và truyền sóng	90	30	57	3
MĐ 36	Kỹ thuật Audio, Video	90	20	67	3

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo tự chọn

- Thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được quy định tại Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%;

- Căn cứ vào thời gian được quy định ở trên, các Cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) xác định thời gian các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn sao cho phù hợp quy định. Tùy theo trường, thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề trong chương trình khung này có thể được điều chỉnh để phù hợp với thực tế của từng Trường và vùng, miền. Tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn là 575 giờ, trong đó 145 giờ lý thuyết và 430 giờ thực hành;

- Trên cơ sở các môn học, mô đun tự chọn đã được xác lập, Hiệu trưởng chỉ đạo các khoa nghề liên quan tiến hành biên soạn đề cương chi tiết chương trình cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn của trường theo mẫu định dạng quy định. Thành lập Hội đồng thẩm định và ban hành áp dụng.

- Ví dụ có thể chọn các môn học, mô đun tự chọn như bảng sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MĐ 27	Thông tin vệ tinh	90	20	67	3
MĐ 28	Kỹ thuật máy tính	60	20	37	3
MĐ 29	Kỹ thuật vi xử lý	90	20	67	3
MĐ 30	Kỹ thuật chuyển mạch	90	30	57	3
MĐ 31	Kỹ thuật truyền số liệu	90	25	61	4
MĐ 32	Truyền thông đa phương tiện	110	20	87	3
MĐ 33	Quản lý mạng viễn thông	45	10	32	3
Tổng cộng		**575**	**145**	**408**	**22**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	**Môn thi**	**Hình thức thi**	**Thời gian thi**
1	Chính trị	Viết	Không quá 120 phút

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
		Vấn đáp	Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/học sinh)
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút/học sinh)
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 6 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp *(Tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)*	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

* Chú ý khi tổ chức thi kiến thức, kỹ năng nghề ở các nội dung cơ bản sau:

- Khai thác một số thiết bị đầu cuối viễn thông thông dụng;

- Khái thác các tổng đài điện thoại;

- Khai thác các thiết bị truyền dẫn quang;

- Khai thác, lắp đặt các trạm BTS trong hệ thống thông tin di động.

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Tổ chức cho học sinh đi tham quan ở các công ty, các cơ sở sản xuất kinh doanh;

- Gửi học sinh đi thực tập, có thể lấy kết quả thực tập báo cáo tốt nghiệp;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác

- Với đào tạo sơ cấp nghề, có thể chọn các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc của chương trình khung này để biên soạn thành chương trình đào tạo.

- Khi các Trường tự thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun đào tạo tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun đào tạo trong chương trình đào tạo của mình để dễ theo dõi và quản lý./.

Phụ lục 4B

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Kỹ thuật lắp đặt đài trạm viễn thông

Mã nghề: 50510356

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, môn đun đào tạo: 37

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Hiểu được các kiến thức cơ bản về điện tử và viễn thông;

+ Trình bày được nguyên lý, nguyên tắc hoạt động của các thiết bị điện tử viễn thông;

+ Hiểu được các kiến thức cơ sở về lắp đặt đài trạm viễn thông;

+ Hiểu được các kiến thức cở sở về các loại nguồn điện AC và DC cũng như phương pháp bảo vệ và an toàn điện;

+ Phân tích được các tiêu chuẩn, các thông số kỹ thuật của các thiết bị điện tử viễn thông;

+ Nắm vững kiến thức cở sở về Tin học, Anh văn chuyên ngành để đọc các tài liệu kỹ thuật;

+ Hiểu và vận dụng tốt các kiến thức làm cơ sở để tự học nâng cao trình độ và có thể áp dụng trong thực tiễn.

- Kỹ năng:

+ Đọc được các tài liệu kỹ thuật cơ bản bằng tiếng Anh;

+ Sửa chữa và khắc phục các hỏng hóc thông thường thiết bị điện tử viễn thông;

+ Lắp đặt tốt các đài trạm viễn thông nói chung và lắp đặt thành thạo cáp đồng cũng như các quang, các tủ thiết bị viễn thông, hệ thống nguồn và các thiết bị phụ trợ khác;

+ Vận hành, khai thác được các thiết bị trong đài trạm viễn thông;

+ Tư vấn được cho các dự án trong lĩnh vực lắp đặt đài trạm viễn thông;

+ Sử dụng thành thạo một các thiết bị đo lường cơ bản để đánh giá các chỉ tiêu chất lượng của các trang thiết bị;

+ Có khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;

+ Kỹ năng sư phạm tốt, hướng dẫn thực hành được khai thác lắp đặt trang thiết bị trong phòng thí nghiệm và hướng dẫn được các nhân viên ở trình độ nghề thấp hơn.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;

+ Biết được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp;

+ Có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao trình độ nghề nghiệp, để đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Thường xuyên rèn luyện thân thể để có sức khỏe học tập và công tác lâu dài;

+ Nắm được đường lối quốc phòng của Đảng và luyện tập quân sự sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

- Làm việc ở các công ty hoạt động trong lĩnh vực lắp đặt đài trạm viễn thông ở các vị trí như lắp đặt, triển khai dự án, tư vấn, chuyển giao công nghệ, kiểm tra kỹ thuật, vận hành hệ thống;

- Làm việc ở các trường học ở vị trí phòng thí nghiệm, dạy học cho các đối tượng có bậc nghề thấp hơn;

- Có thể học tiếp tục ở bậc đại học;

- Tự mở doanh nghiệp.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 3 năm

- Thời gian học tập: 130 tuần

- Thời gian thực học: 3750 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ; (Trong đó thi tốt nghiệp: 90 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2520 giờ; Thời gian học tự chọn: 780 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 898 giờ; Thời gian học thực hành: 2402 giờ

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**2520**	**694**	**1723**	**103**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**900**	**325**	**544**	**31**
MH 07	Toán ứng dụng	60	48	9	3
MH 08	Bảo hộ lao động và an toàn điện	30	15	13	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 09	Vẽ kỹ thuật	45	20	23	2
MĐ 10	Cơ kỹ thuật	45	25	18	2
MĐ 11	AUTOCAD	30	14	15	1
MĐ 12	Kỹ thuật máy tính	90	30	57	3
MĐ 13	Kỹ thuật điện cao áp	90	28	59	3
MĐ 14	Nguồn điện, máy điện	60	25	33	2
MĐ 15	Đo lường điện - vô tuyến điện	180	30	146	4
MĐ 16	Cấu kiện điện tử	90	30	57	3
MĐ 17	Điện tử tương tự	90	30	57	3
MĐ 18	Điện tử số	90	30	57	3
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1620**	**369**	**1179**	**72**
MĐ 19	Các hệ thống thông tin số	105	30	70	5
MĐ 20	Mạng viễn thông	90	30	57	3
MĐ 21	Thực hành điện tử cơ bản	135	0	125	10
MĐ 22	Anh văn chuyên ngành	120	45	69	6
MĐ 23	Kỹ thuật thông tin hữu tuyến	180	43	132	5
MĐ 24	Kỹ thuật thông tin vô tuyến	180	43	132	5
MĐ 25	Thông tin di động	180	43	132	5
MĐ 26	Thông tin vệ tinh	120	30	85	5
MĐ 27	Thông tin quang	120	30	86	4
MĐ 28	Thiết bị đầu cuối thông tin	150	45	101	4
MĐ 29	Thực tập tốt nghiệp	240	30	190	20
	Tổng cộng	**2970**	**914**	**1923**	**133**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH DẠY NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MĐ 30	Thông tin vi ba	150	30	116	4
MĐ 31	Kỹ thuật anten và truyền sóng	90	30	57	3
MĐ 32	Kỹ thuật Audio, Video	90	20	67	3
MĐ 33	Kỹ thuật vi xử lý	90	30	57	3
MĐ 34	Kỹ thuật chuyển mạch	90	20	67	3
MĐ 35	Kỹ thuật truyền số liệu	90	25	61	4
MĐ 36	Truyền thông đa phương tiện	135	30	102	3
MĐ 37	Quản lý mạng viễn thông	45	10	32	3
MĐ 38	Kỹ thuật truyền dẫn số	90	30	57	3
MĐ 39	Lý thuyết mạch	90	30	57	3
MĐ 40	Kỹ thuật mạch điện tử	60	20	38	2

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo tự chọn

- Thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được quy định tại Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%;

- Căn cứ vào thời gian được quy định ở trên, các Cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) xác định thời gian các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn sao cho phù hợp quy định. Tùy theo Trường, thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề trong chương trình khung này có thể được điều chỉnh để phù hợp với thực tế của từng Trường và vùng, miền. Tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn là 780 giờ, trong đó 195 giờ lý thuyết và 585 giờ thực hành;

- Trên cơ sở các môn học, mô đun tự chọn đã được xác lập, Hiệu trưởng chỉ đạo các khoa nghề liên quan tiến hành biên soạn đề cương chi tiết chương trình cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn của Trường và thành lập Hội đồng thẩm định và ban hành áp dụng;

- Ví dụ có thể chọn các môn học, mô đun tự chọn như bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 30	Thông tin vi ba	150	30	116	4
MĐ 31	Kỹ thuật anten và truyền sóng	90	30	57	3
MĐ 32	Kỹ thuật Audio, Video	90	20	67	3
MĐ 33	Kỹ thuật vi xử lý	90	30	57	3
MĐ 34	Kỹ thuật chuyển mạch	90	20	67	3
MĐ 35	Kỹ thuật truyền số liệu	90	25	61	4
MĐ 36	Truyền thông đa phương tiện	135	30	102	3
MĐ 37	Quản lý mạng viễn thông	45	10	32	3
Tổng cộng:		**780**	**195**	**559**	**26**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/sinh viên)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút/sinh viên)
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
	* Mô đun tốt nghiệp *(Tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)*	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

* Chú ý khi tổ chức thi kiến thức, kỹ năng nghề ở các nội dung cơ bản sau:

- Thiết kế tuyến thông tin quang.
- Khai thác các thiết bị đầu cuối viễn thông.
- Khái thác các tổng đài điện thoại.
- Khai thác các thiết bị truyền dẫn quang.
- Khai thác, lắp đặt các trạm BTS trong hệ thống thông tin di động.
- Khai thác các loại trạm mặt đất vệ tinh.

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp, các cơ sở đào tạo có thể:

- Giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;
- Tổ chức cho sinh viên đi tham quan ở các công ty, các cơ sở sản xuất kinh doanh;
- Gửi sinh viên đi thực tập, có thể lấy kết quả thực tập báo cáo tốt nghiệp;
- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/ tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần

Số TT	Nội dung	Thời gian
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác

- Với đào tạo sơ cấp nghề, có thể chọn các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc của chương trình khung này để biên soạn thành chương trình đào tạo.

- Khi các Trường tự thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun đào tạo tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun đào tạo trong chương trình đào tạo của mình để dễ theo dõi và quản lý./.

Phụ lục 5

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ "SẢN XUẤT GỐM, SỨ XÂY DỰNG"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 5A

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: **Sản xuất gốm, sứ xây dựng**

Mã nghề: 405105016

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa Trung học phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 38

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Trình bày được công dụng, cấu tạo, nguyên lý hoạt động và quy trình vận hành của các loại thiết bị công nghiệp sản xuất gốm sứ xây dựng như: máy cấp liệu, máy nghiền trộn, máy ép đùn, máy ép thủy lực, máy phun, tráng men, lò sấy, lò nung, máy mài;...

+ Trình bày được các quá trình cơ bản của công nghệ sản xuất gốm sứ xây dựng và quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm gốm sứ xây dựng như: gạch ngói đất sét nung, gạch cotto, sứ vệ sinh, gạch ốp lát;...

+ Giải thích được các nguyên nhân xảy ra các khuyết tật tạo hình, sấy, nung các sản phẩm gốm sứ;...

+ Hiểu được một số chỉ tiêu, tiêu chuẩn chất lượng của các nguyên liệu và sản phẩm trong công nghệ sản xuất gốm sứ;

+ Biết được những vấn đề cơ bản về Tin học và tiếng Anh của nghề.

- Kỹ năng:

+ Vận hành được các thiết bị công nghệ sản xuất gốm sứ;

+ Xử lý được các sự cố kỹ thuật thường gặp khi sử dụng các thiết bị công nghệ sản xuất gốm sứ;

+ Xử lý được một số khuyết tật thường gặp trong tạo hình sấy và nung sản phẩm gốm sứ;

+ Kiểm tra, kiểm soát một số chỉ tiêu chất lượng của nguyên nhiên liệu và sản phẩm trong sản xuất gốm sứ;

+ Kèm cặp, hướng dẫn được công nhân bậc thấp;

+ Kiểm tra, giám sát được công việc của người có trình độ sơ cấp nghề, trung cấp nghề;

+ Sử dụng được máy tính, tiếng Anh để phục vụ cho chuyên môn nghề.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;

+ Hiểu được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp;

+ Có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao trình độ nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Thường xuyên rèn luyện thân thể để có sức khỏe học tập và làm việc;

+ Biết được đường lối quốc phòng toàn dân và luyện tập quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Học sinh sau khi tốt nghiệp có khả năng:

- Đảm nhận được công việc ở một số vị trí trong các nhà máy sản xuất gốm, sứ xây dựng;

- Tham gia kèm cặp, đào tạo bậc thợ có trình độ thấp hơn;

- Có thể tiếp tục học tập lên trình độ cao hơn theo chuyên ngành.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 1,5 năm

- Thời gian học tập: 77 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 1980 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 200 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 80 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 1770 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1335 giờ; Thời gian học tự chọn: 435 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 497 giờ; Thời gian học thực hành: 1273 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**1335**	**332**	**958**	**45**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**210**	**154**	**48**	**8**
MH 07	Nguyên liệu sản xuất gốm sứ	45	35	8	2
MH 08	Thiết bị công nghiệp gốm sứ	120	92	24	4
MH 09	Lò công nghiệp gốm sứ	45	27	16	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1125**	**178**	**910**	**37**
MĐ 10	Gia công nguyên liệu sản xuất	45	8	35	2
MĐ11	Gia công phối liệu dạng dẻo	60	8	50	2
MĐ 12	Gia công phối liệu dạng hồ	75	8	65	2
MĐ 13	Gia công phối liệu dạng hạt	45	8	35	2
MĐ 14	Tạo hình bằng phương pháp ép đùn dẻo	60	8	50	2
MĐ 15	Tạo hình bằng phương pháp ép dập dẻo	60	8	50	2
MĐ 16	Tạo hình sản phẩm bằng phương pháp ép bán khô	60	8	50	2
MĐ 17	Tạo hình sản phẩm bằng phương pháp đổ rót	105	13	90	2
MĐ 18	Hong phơi sản phẩm mộc	45	9	35	1
MĐ 19	Sấy sản phẩm mộc trong lò sấy tuynel	30	9	20	1
MĐ 20	Sấy môi trường sản phẩm mộc	30	4	25	1
MĐ 21	Sấy sản phẩm mộc trong lò sấy phòng	30	4	25	1
MĐ 22	Hoàn thiện sản phẩm mộc sứ sau sấy	45	4	40	1
MĐ 23	Sấy sản phẩm mộc gạch ốp lát bằng lò sấy thanh lăn	45	8	35	2
MĐ 24	Chế tạo men, màu	60	8	50	2
MĐ 25	Tráng men, trang trí bề mặt sản phẩm	60	13	45	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 26	Phun men, dán chữ, in mác sản phẩm	45	8	35	2
MĐ 27	Nung sản phẩm trong lò nung tuynel	30	9	20	1
MĐ 28	Nung sản phẩm trong lò con thoi	30	4	25	1
MĐ 29	Nung sản phẩm bằng lò thanh lăn	30	9	20	1
MĐ 30	Dỡ goòng, phân loại, đóng gói sản phẩm gốm thô	30	4	25	1
MĐ 31	Phân loại sản phẩm gạch ốp lát	30	4	25	1
MĐ 32	Dỡ goòng, phân loại, đóng gói sản phẩm sứ vệ sinh	30	4	25	1
MĐ 33	Kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất	45	7	35	3
	Tổng cộng	**1545**	**438**	**1045**	**62**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được xây dựng trên cơ sở sơ đồ phân tích nghề, bảng phân tích công việc và danh mục các công việc theo cấp trình độ đào tạo. Trong chương trình khung trình độ Trung cấp nghề Sản xuất gốm, sứ xây dựng đề xuất một số môn học và mô đun tự chọn được giới thiệu ở bảng dưới đây:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 35	Nhập môn kỹ thuật hóa học	60	46	10	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 36	Hóa vô cơ - thực nghiệm	60	18	40	2
MĐ 37	Hóa hữu cơ - thực nghiệm	60	18	40	2
MĐ 38	Tiếng Anh chuyên ngành	120	40	75	5
MĐ 39	Phương pháp phân tích bằng dụng cụ	135	12	120	3
MĐ 40	Tin học văn phòng	60	18	40	2
MĐ 41	Hóa phân tích	60	25	30	5

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Trung cấp nghề Sản xuất gốm, sứ xây dựng đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ: có thể lựa chọn một số mô đun trong 7 mô đun nghề tự chọn để xây dựng chương trình đào tạo nghề. Cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 36	Hóa vô cơ - thực nghiệm	60	18	40	2
MĐ 37	Hóa hữu cơ - thực nghiệm	60	18	40	2
MĐ 38	Tiếng Anh chuyên ngành	120	40	75	5
MĐ 39	Phương pháp phân tích bằng dụng cụ	135	12	120	3
MĐ 40	Tin học văn phòng	60	18	40	2
Tổng cộng		**435**	**106**	**315**	**14**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 90 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/học sinh)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp	Không quá 90 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/học sinh)
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 12 giờ
	*Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)*	Bài thi lý thuyết và thực hành	Không quá 16 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp, các Trường có thể:

- Tổ chức cho học sinh đi tham quan ở một số cơ sở sản xuất Gốm, sứ xây dựng;

- Tổ chức các cuộc hội thảo về Gốm, sứ xây dựng;

- Thời gian và nội dung giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục thể thao	
2	Văn hóa văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/ tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác

- Nghề Sản xuất gốm, sứ xây dựng là nghề gắn đào tạo với thực tế sản xuất, nên trong thời gian đào tạo học sinh cần thiết phải tham quan và thực tập tại cơ sở sản xuất gốm, sứ xây dựng.

- Khi các Trường tự thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun đào tạo tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun đào tạo trong chương trình đào tạo của mình để dễ theo dõi và quản lý./.

Phụ lục 5B

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Sản xuất gốm, sứ xây dựng

Mã nghề: 505105016

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 38

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Nêu được công dụng, cấu tạo chính, nguyên lý hoạt động và các sự cố kỹ thuật thường gặp trong sản xuất của các thiết bị công nghệ sản xuất;

+ Trình bày được quy trình vận hành các thiết bị công nghệ sản xuất;

+ Nêu được tên các nguyên liệu sử dụng để sản xuất phối liệu xương, men và nắm được các yêu cầu cơ bản của chúng;

+ Hiểu được vai trò của các nguyên liệu đối với xương men khi đốt nóng;

+ Trình bày được các quá trình cơ bản của công nghệ sản xuất gốm, sứ xây dựng và quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm gốm sứ xây dựng;

+ Giải thích được các nguyên nhân gây ra phế phẩm trong sản xuất và biện pháp phòng ngừa, khắc phục;

+ Nắm vững các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm;

+ Trình bày được các công việc cần thiết để kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất các sản phẩm gốm, sứ xây dựng.

- Kỹ năng:

+ Vận hành được các thiết bị công nghệ sản xuất;

+ Xử lý được các sự cố kỹ thuật đơn giản khi sử dụng các thiết bị;

+ Xử lý được các khuyết tật do công nghệ sản xuất;

+ Kiểm soát được chất lượng gốm, sứ xây dựng trong quá trình sản xuất;

+ Thực hiện được công việc tính toán đơn phối liệu theo bài phối liệu cho các sản phẩm;

+ Kèm cặp, hướng dẫn được công nhân bậc thấp hơn;

+ Kiểm tra, giám sát được công việc của người có trình độ sơ cấp nghề, trung cấp nghề;

+ Sử dụng được máy tính, tiếng Anh để phục vụ cho chuyên môn nghề.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;

+ Hiểu được quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có đạo đức lương tâm nghề nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp;

+ Có ý thức học tập, rèn luyện nâng cao trình độ nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Thường xuyên rèn luyện thân thể để có sức khỏe học tập và làm việc;

+ Biết được đường lối quốc phòng toàn dân và luyện tập quân sự bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ:

- Đảm nhận được công việc ở một số vị trí trong các nhà máy sản xuất gốm, sứ xây dựng;

- Tham gia kèm cặp, đào tạo bậc thợ có trình độ thấp hơn;

- Làm Tổ trưởng, trưởng nhóm trong các nhà máy sản xuất gốm, sứ xây dựng hoặc doanh nghiệp;

- Có thể tiếp tục học tập lên trình độ đại học theo chuyên ngành.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2,5 năm

- Thời gian học tập: 110 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3200 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 352 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 112 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2750 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 2210 giờ; Thời gian học tự chọn: 540 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 833 giờ; Thời gian học thực hành: 1917 giờ

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**2210**	**549**	**1580**	**81**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**240**	**154**	**74**	**12**
MH 07	Vật liệu sản xuất gốm sứ xây dựng	45	30	12	03
MH 08	Thiết bị công nghệ gốm sứ xây dựng	135	94	35	06
MH 09	Lò công nghiệp gốm sứ	60	30	27	03
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1970**	**395**	**1506**	**69**
MĐ 10	Gia công nguyên liệu sản xuất cho sản xuất	60	15	43	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 11	Gia công phối liệu dạng dẻo	90	18	67	05
MĐ 12	Gia công phối liệu dạng hồ	120	22	92	06
MĐ 13	Gia công phối liệu dạng hạt	75	20	53	02
MĐ 14	Tạo hình bằng phương pháp ép đùn dẻo	75	18	53	04
MĐ 15	Tạo hình sản phẩm bằng phương pháp ép dập dẻo	90	18	68	04
MĐ 16	Tạo hình sản phẩm bằng phương pháp ép bán khô	75	20	53	02
MĐ 17	Tạo hình sản phẩm bằng phương pháp đổ rót	145	20	123	02
MĐ 18	Hong phơi sản phẩm mộc	60	12	44	04
MĐ 19	Sấy sản phẩm mộc trong lò sấy tuynel	60	12	44	04
MĐ 20	Sấy sản môi trường sản phẩm mộc	45	10	34	01
MĐ 21	Sấy sản phẩm mộc trong lò sấy phòng	45	10	34	01
MĐ 22	Hoàn thiện sản phẩm mộc sứ sau sấy	60	15	44	01
MĐ 23	Sấy sản phẩm mộc gạch ốp lát bằng lò sấy thanh lăn	90	20	68	02
MĐ 24	Chế tạo men màu	150	28	117	05
MĐ 25	Tráng men, trang trí bề mặt sản phẩm	105	25	78	02
MĐ 26	Phun men, dán chữ, in mác sản phẩm	90	18	69	03
MĐ 27	Nung sản phẩm trong lò tuynel	90	17	68	05
MĐ 28	Nung sản phẩm trong lò con thoi	60	10	49	01
MĐ 29	Nung sản phẩm trong lò thanh lăn	90	20	68	02
MĐ 30	Dỡ goòng, phân loại, đóng gói sản phẩm gốm thô	45	05	40	00
MĐ 31	Phân loại, đóng gói sản phẩm gạch ốp lát	45	03	40	02
MĐ 32	Dỡ goòng, phân loại, đóng gói sản phẩm sứ vệ sinh	60	12	44	04

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 33	Kiểm soát chất lượng trong quá trình sản xuất	145	27	113	05
	Tổng cộng	**2660**	**833**	**1707**	**120**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được xây dựng trên cơ sở sơ đồ phân tích nghề, bảng phân tích công việc và danh mục các công việc theo cấp trình độ đào tạo. Trong chương trình khung trình độ Cao đẳng nghề Sản xuất gốm, sứ xây dựng đề xuất một số môn học và mô đun tự chọn được giới thiệu ở bảng dưới đây:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 35	Nhập môn kỹ thuật hóa học	60	15	44	01
MĐ 36	Hóa vô cơ - thực nghiệm	120	30	88	02
MĐ 37	Hóa hữu cơ - thực nghiệm	60	15	44	01
MĐ 38	Tiếng Anh chuyên ngành	120	55	60	05
MĐ 39	Phương pháp phân tích bằng dụng cụ	180	15	162	03
MĐ 40	Đồ án chuyên ngành	60	15	45	0
MĐ 41	Hóa phân tích	60	15	44	01
MH 42	Hóa lý Silicat	60	40	16	04

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%; thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Trong chương trình khung trình độ Cao đẳng nghề Sản xuất gốm, sứ xây dựng đã xây dựng các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Trường có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn đã đưa ra trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề 1.1; hoặc kết hợp cả hai phương án trên;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định, nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu của đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành, nghề hoặc vùng, miền;

- Trên cơ sở các quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho trường mình;

- Ví dụ: có thể lựa chọn một số môn học, mô đun trong 7 mô đun tự chọn để xây dựng chương trình đào tạo nghề như bảng sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MĐ 36	Hóa vô cơ - thực nghiệm	120	30	88	02
MĐ 37	Hóa hữu cơ - thực nghiệm	60	15	44	01
MĐ 38	Tiếng Anh chuyên ngành	120	55	60	05
MĐ 39	Phương pháp phân tích bằng dụng cụ	180	15	162	03
MH 42	Hóa lý Silicat	60	40	16	04
Tổng cộng		**540**	**130**	**398**	**12**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/sinh viên)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và 20 phút trả lời/sinh viên)
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)*	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp, các cơ sở dạy nghề có thể;

- Tổ chức cho sinh viên đi tham quan ở một số cơ sở sản xuất Gốm, sứ xây dựng;

- Tổ chức các cuộc hội thảo về Gốm, sứ xây dựng

- Thời gian và nội dung giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục thể thao	
2	Văn hóa văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần

Số TT	Nội dung	Thời gian
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Tham quan, dã ngoại	Mỗi kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác

- Nghề Sản xuất gốm, sứ xây dựng là nghề gắn đào tạo với thực tế sản xuất, nên trong thời gian đào tạo sinh viên cần thiết phải tham quan và thực tập tại cơ sở sản xuất gốm, sứ xây dựng.

- Khi các Trường tự thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun đào tạo tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun đào tạo trong chương trình đào tạo của mình để dễ theo dõi và quản lý./.

Phụ lục 6

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ, CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ CHO NGHỀ "VẬN HÀNH MÁY THI CÔNG MẶT ĐƯỜNG"

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2012/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Phụ lục 6A

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

Tên nghề: Vận hành máy thi công mặt đường

Mã nghề: 40510249

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 30

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Vẽ kỹ thuật, Dung sai, Cơ kỹ thuật, Điện kỹ thuật, Nhiên liệu và dầu mỡ bôi trơn,...

+ Trình bày cấu tạo, nguyên lý hoạt động của máy san, máy lu, máy rải thi công mặt đường và các máy liên quan;

+ Trình bày được các phương pháp thi công của máy san, máy lu, máy rải thi công mặt đường và các máy liên quan;

+ Trình bày được các biện pháp bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống tai nạn lao động, sơ cứu người bị tai nạn và các biện pháp an toàn khi vận hành, bảo dưỡng máy thi công mặt đường;

+ Trình bày được quy trình bảo dưỡng máy san, máy lu, máy rải thi công mặt đường và các máy liên quan;

+ Trình bày được các quy trình vận hành máy san, máy lu, máy rải thi công mặt đường và các máy liên quan;

+ Trình bày được các biện pháp xử lý một số tình huống khi vận hành máy san, máy lu, máy rải thi công mặt đường và các máy liên quan.

- Kỹ năng:

+ Đọc được các bản vẽ thi công;

+ Thực hiện được các biện pháp an toàn khi thi công mặt đường và sơ cứu người khi xảy ra tai nạn;

+ Làm được các công việc kiểm tra, bảo dưỡng các máy san, máy lu, máy rải thi công mặt đường, các máy liên quan đúng quy trình;

+ Vận hành được máy san, máy lu, máy rải thi công mặt đường và một số máy liên quan;

+ Xử lý được một số tình huống khi vận hành máy san, máy lu, máy rải thi công mặt đường và các máy liên quan.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu và đường lối cách mạng của Đảng và Nhà nước;

+ Nắm được cơ bản quyền, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân;

+ Có ý thức nghề nghiệp, kiến thức cộng đồng và tác phong làm việc công nghiệp; có lối sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc;

+ Thể hiện ý thức tích cực học tập rèn luyện để không ngừng nâng cao trình độ, đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của sản xuất.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Có kiến thức, kỹ năng về thể dục, thể thao cần thiết;

+ Nắm được phương pháp tập luyện nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập và lao động sản xuất;

+ Có được một số kiến thức và kỹ năng cơ bản về quốc phòng - An ninh, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp hệ trung cấp nghề, nghề Vận hành máy thi công mặt đường, học sinh sẽ:

+ Làm việc tại các công trường thi công xây dựng, thi công mặt đường bộ;

+ Tham gia tạo nguồn xuất khẩu lao động;

+ Tự tạo việc làm cho mình.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khoá học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian khoá học: 1,5 năm

- Thời gian học tập: 68 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2150 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 200 giờ

(Trong đó thi tốt nghiệp: 110 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 1940 giờ

+ Thời gian học bắt buộc: 1540 giờ; Thời gian học tự chọn: 400 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 460 giờ; Thời gian học thực hành: 1480 giờ

3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo trong chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**210**	**106**	**87**	**17**
MH 01	Chính trị	30	22	6	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**1540**	**411**	**1082**	**47**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**240**	**186**	**38**	**16**
MH 07	Vẽ kỹ thuật	60	46	10	4
MH 08	Dung sai	30	20	8	2
MH 09	Cơ kỹ thuật	45	35	7	3
MH 10	Điện kỹ thuật	45	35	7	3
MH 11	Nhiên liệu và dầu mỡ bôi trơn	30	25	3	2
MH 12	Kỹ thuật thi công mặt đường	30	25	3	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1300**	**225**	**1044**	**31**
MĐ 13	Thực hiện an toàn lao động và vệ sinh môi trường	40	10	29	1
MĐ 14	Bảo dưỡng kỹ thuật động cơ đốt trong trên máy thi công mặt đường	120	45	71	4
MĐ 15	Bảo dưỡng kỹ thuật gầm và thiết bị công tác máy san	60	20	38	2
MĐ 16	Bảo dưỡng kỹ thuật gầm và thiết bị công tác máy lu	60	20	38	2
MĐ 17	Bảo dưỡng kỹ thuật gầm và thiết bị công tác máy rải thi công mặt đường	60	20	38	2
MĐ 18	Bảo dưỡng kỹ thuật các máy thi công mặt đường liên quan	60	20	38	2
MĐ 19	Bảo dưỡng trang bị điện trên máy thi công mặt đường	60	20	38	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 20	Vận hành máy san thi công mặt đường	200	20	175	5
MĐ 21	Vận hành máy lu thi công mặt đường	80	10	68	2
MĐ 22	Vận hành máy rải thi công mặt đường	200	20	175	5
MĐ 23	Vận hành một số máy thi công mặt đường liên quan	80	10	68	2
MĐ 24	Xử lý tình huống khi thi công	40	5	34	1
MĐ 25	Thực tập nghề nghiệp	240	5	234	1
Cộng		**1750**	**517**	**1169**	**64**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 26	Vận hành máy xúc	120	15	102	3
MĐ 27	Vận hành máy xúc lật	80	10	68	2
MĐ 28	Vận hành máy ủi	80	10	68	2
MĐ 29	Vận hành cần trục	80	10	68	2
MĐ 30	Vận hành máy nén khí	40	4	35	1
MĐ 31	Vận hành trạm trộn nhựa	100	10	88	2
MĐ 32	Vận hành trạm trộn bê tông	100	10	88	2

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%, thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu mục 1.1;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng nhà Trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình.

- Ví dụ: có thể lựa chọn 5 trong số 7 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình dạy nghề, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MĐ 26	Vận hành máy xúc	120	15	102	3
MĐ 27	Vận hành máy xúc lật	80	10	68	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 28	Vận hành máy ủi	80	10	68	2
MĐ 29	Vận hành cần trục	80	10	68	2
MĐ 30	Vận hành máy nén khí	40	4	35	1
	Tổng cộng	**400**	**49**	**341**	**10**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút, trả lời 20 phút/học sinh)
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề - Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp *(tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)*	 Viết Trắc nghiệm Vấn đáp Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	 Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 90 phút (làm bài 40 phút, trả lời 20 phút/học sinh) Không quá 24 giờ Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho học sinh tham quan, học tập tại một số nhà máy, cơ sở sản xuất, công trường xây dựng, ...

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp.

Số TT	**Nội dung**	**Thời gian**
1	Thể dục, thể thao	Từ 5h ÷ 6h và từ 17h ÷ 18h hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	 Ngoài giờ học hàng ngày Từ 19h ÷ 21h (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	 Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác

- Nếu sử dụng chương trình khung này để giảng dạy cho đối tượng tuyển sinh liên thông dọc từ Sơ cấp nghề lên Trung cấp nghề thì cần chỉnh lại kế hoạch tổng thể (2 học kỳ); học bổ sung những kiến thức, kỹ năng chưa học ở trình độ Sơ cấp nghề. Nội dung thi tốt nghiệp cho đối tượng này chỉ cần kiểm tra các kiến thức và kỹ năng nâng cao ở giai đoạn đào tạo Trung cấp nghề;

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn Trường có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý./.

Phụ lục 6B

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Tên nghề: Vận hành máy thi công mặt đường

Mã nghề: 50510249

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 36

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Có kiến thức cơ bản về: Vẽ kỹ thuật, Dung sai, Cơ kỹ thuật, Điện kỹ thuật, Nhiên liệu và dầu mỡ bôi trơn, Công nghệ khí nén - thủy lực,...

+ Trình bày được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của máy san, máy lu, máy rải thi công mặt đường và các máy liên quan;

+ Phân tích được các phương pháp thi công của máy san, máy lu, máy rải thi công mặt đường và các máy liên quan;

+ Nêu được các biện pháp bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống tai nạn lao động, sơ cứu người bị tai nạn và các biện pháp an toàn khi vận hành, bảo dưỡng máy thi công mặt đường;

+ Trình bày được quy trình chuẩn bị, bảo dưỡng, vận hành máy san, máy lu, máy rải thi công mặt đường và các máy liên quan;

+ Phân tích được những nguyên nhân hư hỏng, cách kiểm tra, sửa chữa những hư hỏng thông thường của máy san, máy lu, máy rải thi công mặt đường và các máy liên quan;

+ Phân tích được các biện pháp xử lý tình huống khi vận hành máy san, máy lu, máy rải thi công mặt đường và các máy liên quan;

+ Phân tích được các phương án tổ chức thi công, tổng hợp được các khối lượng, tiến độ thi công, bố trí máy trong qua trình thi công và công tác bàn giao nhiệm thu.

- Kỹ năng:

+ Đọc được các bản vẽ thi công;

+ Thực hiện được các biện pháp an toàn, vệ sinh môi trường và sử lý sơ cứu người khi xảy ra tai nạn;

+ Làm được các công việc chuẩn bị cho máy san, máy lu, máy rải thi công mặt đường và các máy liên quan, trước khi thi công;

+ Làm thành thạo các công việc kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa những hư hỏng thông thường trên các máy san, máy lu, máy rải thi công mặt đường và các máy liên quan đúng quy trình;

+ Vận hành thành thạo máy san, máy lu, máy rải thi công mặt đường và một số máy liên quan, đúng quy trình;

+ Xử lý được các tình huống khi vận hành máy san, máy lu, máy rải thi công mặt đường và các máy liên quan;

+ Lựa chọn được phương án thi công và các thiết bị thi công, tổ chức và điều hành được hoạt động của tổ, nhóm;

+ Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết được những tình huống trong thực tế.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết một số kiến thức phổ thông về Chủ nghĩa Mác - Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh và Hiến pháp, Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Yêu nghề, có ý thức cộng đồng và tác phong làm việc của một công dân sống trong xã hội công nghiệp;

+ Có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc và địa phương trong từng giai đoạn của lịch sử;

+ Tự giác học tập để nâng cao trình độ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; vận dụng được những kiến thức đã học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành người lao động có lương tâm nghề nghiệp, chủ động, sáng tạo, có ý thức trách nhiệm cao;

+ Có lối sống khiêm tốn giản dị, trong sạch lành mạnh, có tác phong công nghiệp.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Có kiến thức, kỹ năng cơ bản và phương pháp tập luyện về thể dục thể thao nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập, lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp;

+ Có kiến thức, kỹ năng cơ bản trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tự giác trong thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Cơ hội việc làm

Sau khi tốt nghiệp hệ Cao đẳng nghề, nghề Vận hành máy thi công mặt đường, sinh viên sẽ:

+ Làm việc tại các công trường thi công xây dựng, thi công mặt đường bộ và tham gia tạo nguồn xuất khẩu lao động;

+ Tự tạo việc làm cho mình, học liên thông lên các bậc học cao hơn;

+ Có thể làm tổ trưởng tại các công trường thi công xây dựng, thi công mặt đường bộ;

+ Có khả năng làm giáo viên trong các Trung tâm dạy nghề.

II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian đào tạo: 2,5 năm

- Thời gian học tập: 110 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 3280 giờ

- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ (Trong đó thi tốt nghiệp: 110 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ

- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2830 giờ

+ Thời gian học bắt buộc 2230 giờ; Thời gian học tự chọn: 600 giờ

+ Thời gian học lý thuyết: 696 giờ; Thời gian học thực hành: 2134 giờ

III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỔ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**450**	**220**	**200**	**30**
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
II	**Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc**	**2230**	**533**	**1631**	**66**
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở	**350**	**221**	**109**	**20**
MH 07	Vẽ kỹ thuật	60	46	10	4
MH 08	Dung sai	30	20	8	2
MH 09	Cơ kỹ thuật	45	35	7	3
MH 10	Điện kỹ thuật	45	35	7	3
MH 11	Nhiên liệu và dầu mỡ bôi trơn	30	25	3	2
MH 12	Công nghệ khí nén - thủy lực	30	25	3	2
MH 13	Kỹ thuật thi công mặt đường	30	25	3	2
MĐ 14	Nguội cơ bản	40	5	34	1
MĐ 15	Hàn cơ bản	40	5	34	1
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	**1880**	**312**	**1522**	**46**
MĐ 16	Thực hiện an toàn lao động và vệ sinh môi trường	40	10	29	1
MĐ 17	Bảo dưỡng kỹ thuật động cơ đốt trong trên máy thi công mặt đường	120	45	71	4
MĐ 18	Bảo dưỡng kỹ thuật gầm và thiết bị công tác máy san	80	30	47	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 19	Bảo dưỡng kỹ thuật gầm và thiết bị công tác máy lu	80	30	47	3
MĐ 20	Bảo dưỡng kỹ thuật gầm và thiết bị công tác máy rải thi công mặt đường	80	30	47	3
MĐ 21	Bảo dưỡng kỹ thuật các máy thi công mặt đường liên quan	80	30	47	3
MĐ 22	Bảo dưỡng trang bị điện trên máy thi công mặt đường	80	30	47	3
MĐ 23	Sửa chữa những hư hỏng thông thường trên máy thi công mặt đường	80	15	63	2
MĐ 24	Vận hành máy san thi công mặt đường	280	25	248	7
MĐ 25	Vận hành máy lu thi công mặt đường	160	12	144	4
MĐ 26	Vận hành máy rải thi công mặt đường	280	25	248	7
MĐ 27	Vận hành một số máy thi công mặt đường liên quan	120	15	102	3
MĐ 28	Xử lý tình huống khi thi công	80	10	68	2
MĐ 29	Thực tập nghề nghiệp	320	5	314	1
Cộng		**2680**	**753**	**1831**	**96**

IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 30	Vận hành máy xúc	120	20	97	3
MĐ 31	Vận hành máy xúc lật	120	20	97	3
MĐ 32	Vận hành máy ủi	120	20	97	3
MĐ 33	Vận hành cần trục	110	20	87	3
MĐ 34	Vận hành máy nén khí	40	5	34	1
MĐ 35	Vận hành trạm trộn nhựa	120	20	97	3
MĐ 36	Vận hành trạm trộn bê tông	120	20	97	3
MH 37	Nhiệt kỹ thuật	45	40	3	2
MĐ 38	Kỹ thuật điện tử cơ bản	45	38	5	2

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%. Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%, thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề (sau đây gọi chung là Trường) có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiểu mục 1.1;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Thời gian, nội dung của các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn do Trường tự xây dựng, được xác định căn cứ vào mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc

thù ngành, nghề hoặc vùng, miền. Trên cơ sở quy định về chương trình khung, Hiệu trưởng nhà trường tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình chi tiết của các môn học, mô đun tự chọn cho Trường mình;

- Ví dụ: có thể lựa chọn 7 trong số 9 môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun tự chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	**Tên môn học, mô đun tự chọn**	**Thời gian đào tạo (giờ)**			
		Tổng số	**Trong đó**		
			Lý thuyết	**Thực hành**	**Kiểm tra**
MĐ 30	Vận hành máy xúc	120	20	97	3
MĐ 31	Vận hành máy xúc lật	120	20	97	3
MĐ 32	Vận hành máy ủi	120	20	97	3
MĐ 33	Vận hành cần trục	110	20	87	3
MĐ 34	Vận hành máy nén khí	40	5	34	1
MH 37	Nhiệt kỹ thuật	45	40	3	2
MH 38	Kỹ thuật điện tử cơ bản	45	38	5	2
	Cộng	**600**	**163**	**420**	**17**

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp

Số TT	**Môn thi**	**Hình thức thi**	**Thời gian thi**
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút, trả lời 20 phút/ sinh viên)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề - Lý thuyết nghề	Viết Trắc nghiệm Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 90 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút, trả lời 20 phút/sinh viên)

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
	- Thực hành nghề * Mô đun tốt nghiệp (*tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)*	Bài thi thực hành Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, cơ sở dạy nghề có thể bố trí cho sinh viên tham quan, học tập tại một số nhà máy, cơ sở sản xuất, công trường thi công xây dựng;

- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho sinh viên tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	Từ 5h ÷ 6h và từ 17h ÷ 18h hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	 Ngoài giờ học hàng ngày Từ 19h ÷ 21h (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	 Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4. Các chú ý khác

- Nếu sử dụng chương trình khung này để giảng dạy cho đối tượng tuyển sinh liên thông dọc từ Trung cấp nghề lên Cao đẳng nghề thì cần chỉnh lại kế hoạch tổng thể (2 học kỳ); học bổ sung những kiến thức, kỹ năng chưa học ở trình độ Trung cấp nghề. Nội dung thi tốt nghiệp cho đối tượng này chỉ cần kiểm tra các kiến thức và kỹ năng nâng cao ở giai đoạn đào tạo Cao đẳng nghề;

- Sau khi lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn Trường có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý./.

(Xem tiếp Công báo số 493 + 494)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng